

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|----------------|
| — Lửa bên trong. | ĐÌNH GIA TRINH |
| — Tình hình kỹ-ghệ Đông-Dương
trong hai năm vừa qua. | VŨ ĐÌNH HÒE |
| — Hai tấm vé số. (tiếp theo) | NGUYỄN TUÂN |
| — Ba cuốn tiểu thuyết Pháp hiện đại | LÊ HUY VĂN |
| — Thi. | HƯƠNG MINH |
| — Luật pháp hiện hành và sự tăng
giá trái phép. | TẠ NHƯ KHUÊ |
| — Ả Q chính truyện (tiếp theo) | ĐẶNG THÁI MAI |
| — Rudyard Kipling nhằm : Đông và
Tây thật ra đã nhiều lần gặp nhau | VŨ BỘI LIÊU |
| — Một quan niệm về kịch Trung-
vương. | ĐÌNH GIA TRINH |
| — Nói thêm về luật thuê nhà, | ĐỖ XUÂN SẮNG |
| — Việc quốc tề | Đ. Đ. Đ. |

LỬA BÊN TRONG

TRONG tâm ta ai chẳng có một nhóm lửa. Những khi bùng bột, những khi say mê, ham muốn, ấy là lửa cháy. Có lúc lửa ấy đốt nóng khiến ta bồn chồn, có khi ta trở nên ngang tàng hầu như điên dại. Ta đi ra ngoài mực sống lặng yên của người xung quanh. Nhà bác học xuất ngày đêm cặm cụi trên con toán hoặc trước kính hiển vi, nghệ sĩ theo đuổi những sáng tác đẹp, người hoạt động luôn luôn chống với thất bại để gây sự nghiệp lớn, đều là có sẵn mang nguồn lửa bên trong. Có những ngày bình thản tựa như cuộc đời vô vị rập rờn cuốn ta, bỗng đọc một bài văn, xem một đoạn sử, nghe một lời diễn thuyết, trông một cảnh tượng, lòng ta phút bùng bột, ham muốn, tôn thờ. Ngọn lửa trong lòng lại bùng cháy và ta cảm trước tất cả cái vị say sưa của một cuộc đời lớn. Ta bồn chồn muốn đạt ngay tới một cái gì oanh liệt.

Tại sao nhà nhạc sĩ trừ danh vọng của nước Đức bao năm giòng khố hạnh để tập đàn, có khi hàng ngày chỉ ở trong buồng thiếu ánh sáng để kéo, để ấn một thứ âm? Những ngày mà kẻ bàng quan cho là nặng nhọc, nhạc sĩ không nhận thấy khó chịu, vì trong lòng họ có một sự say mê làm nung ấm.

Không ỉa thiết thì làm nên được việc gì? Không sợ lòng bạo ngược, chỉ sợ lòng nguội lạnh. Giữ lấy nhóm lửa thiêng liêng ở trong lòng, hồi thanh niên. Còn no người còn trẻ, nếu nó đã tắt

Thông ché PÉTAIN đã nói:

«Hỡi các bạn thân quý, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ báng chua chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc Trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố»

thì dù 20 tuổi, người đã già rồi. Không phải lửa cháy là cái tha thiết bỉ ổi của kẻ đi tìm cái no ấm vinh quang bằng những con đường vật chất hạ tiện. Lửa cháy là cái sức mạnh nâng ta về những nẻo cao của hoạt động tinh thần và duy tha. Yêu một cái gì đẹp, dù nhỏ mọn, đem dồn nghị lực tâm hồn của mình vào đấy, thế là đã đủ tỏ một giá trị rồi. Gide có một lời bất diệt: «Nếu tâm linh ta có chút giá trị, ấy là vì nó đã cháy hăng hái hơn một vài tâm linh khác» và thực như một danh sĩ phương tây đã nói: «Thù địch của linh hồn người ta không phải là sự phiền muộn mà là sự tầm thường và uể oải».

Ta chớ nên bao giờ coi tuổi thanh niên như một giai đoạn tạm thời, để đem ta đến một phận sự, một địa vị, rồi ở đó sống eo hẹp, chật chội, nghèo nàn, gò ép trí não vào những tình toán tỉ mỉ của nghề nghiệp, mà để cái lửa anh linh khi xưa cháy sáng trong lòng thanh niên khi xưa phải mờ đi, lạnh đi, để hoàn cảnh lôi cuốn chúng ta vào một cuộc sống không tư cách. Ta chớ nên như ai đó quên những danh nhân mà xưa họ từng bài đề dùng tri nhớ ghi tiểu sử vô vị của một thời nhân vì đua mà có danh vọng.

Là thanh niên, ta phải giữ cho lửa trong lòng cháy mãi mãi. Đừng bao giờ để trái tim ta truy lạc cho đến nỗi thấy đồng loại ta khổ, ta không động tâm, thấy sự bất bình ta không phản uất, bị sỉ nhục ta không tức khí. Đừng để tri thức truy lạc cho đến nỗi để cho những dục vọng của cơ thể chi phối các hoạt động của thống minh. Hãy giữ lấy mãi mãi cái rung động trước một tác phẩm đẹp, cái mê đắm trong việc làm khi sáng tác, khi hướng dẫn, khi truyền bá.

Chúng ta thanh niên hãy giữ lấy cái gì là cốt cách của thanh niên. Người của thế hệ chúng ta đã hờ hững nhiều rồi. Chúng ta không có quyền hờ hững nữa. Người vác sừng cuộc làm ruộng với đàn què, người đốn cây phá rừng, người kháo cứu trong thư viện, người vẽ, người trạm người suy nghĩ, cho đến cả kẻ nghệ sĩ mơ tưởng

ĐÌNH GIA TRINH

một mộng đẹp nữa, trái lại với ý nghĩ hơi ngần ngại của một vài người chất phác.... bao nhiêu ngành hoạt động khác nhau, chỉ một lòng ham yêu là một.

Chớ nên như người bạn họ của ta một năm vắng mặt, khi gặp đã thấy không phải là con người vẫn trò chuyện với ta ở dưới những cây ở trường Đại Học nữa, mà là một người hoàn toàn của nghề nghiệp, giống như mọi người của nghề nghiệp, san phẳng đời họ trên cái quan niệm một lý tưởng đã đạt mà ở sau không còn có gì nữa. Không phải bảo làm trọn phận sự của nghề nghiệp mình là không đáng khen. Vì học là để hành, vì xã hội cần đến những quan tòa, những luật sư, những thầy thuốc, những kỹ sư giỏi cũng như cần đến người nông phu tận tâm, người thợ nề siêng năng. Nhưng ở trong những thời đại khó khăn (mà thời này là một thời khó khăn) chủ biết cầm dao giải phẫu hoặc vung tay áo xức kiện và biện luận chưa đủ. Còn cần phải gắng lời môt sự sáng tác không ngừng để làm giàu mãi cái gia tài đơn bạc mà thời nhân ta đã hưởng và xây dựng xã hội ngày mai vì chỉ sáng tác mới là làm cho cá nhân sống và làm tăng sinh lực cho đoàn thể, mà thanh niên chưa chắc nhưa sống phải tự nhiên đi đến sáng tác mới là hợp thiên lý. Trong phút này phòng có bao nhiêu nhà bác học xir ta đang đun những chất xanh đỏ trong những ống hoặc bầu thủy tinh, phòng bao nhiêu nhà học giả đang đề xoay lộn, trong những cái đầu rối bù của họ, những suy tưởng mãnh liệt? Ấy là ta mới nói đến những hoạt động thuần tri não mà chưa nói đến những hoạt động mục đích là soay đổi thực tế một cách trực tiếp. Đủ biết dân Việt Nam ta còn thiếu sốt sáng là dường nào.

Đầy xe nặng giúp một người nghèo hoặc viết một quyển sách, miễn là làm được một người sung sướng, cải được một hoàn cảnh, tạo được một cái gì mới. Có những bạn đọc đoán thiên tư khinh những cuộc cặm cụi với tư tưởng và sẵn

long coi một cuộc cặm cụi chẳng hạn, có giá trị hơn một trăm bài thơ hoặc luận thuyết, hoặc khảo cứu. Như thế là làm. Mỗi hoạt động có một ích lợi

của nó. và nếu không phải tư tưởng bao giờ cũng chỉ phối hành động của người ta thì tư tưởng cũng thường dẫn hành động, và mỗi quyền sách vẫn có thể, với các động lực khác nữa, gây nên một thế i đại. Đừng suy tưởng trong hư vô, nhưng cũng đừng mù mịt mà không suy nghĩ. Hoạt động của tinh thần bao giờ cũng nên đi đôi với hoạt động của chân tay. Điều cốt yếu là phải hang hai, tha thiết

Cái nhóm lửa bên trong mỗi chúng ta khiến cho mỗi buổi sáng thức giấc nghe chim hót, ta thấy tin tưởng vào tương lai và muốn mong đợi một cái gì mới mẻ. Không bao giờ, ở một lúc nào, tự nhủ: «Thế là ta đã phí», vì cụ già Premery của Edmond Jaloux khi gần kề mệnh lữ còn than: «Nghệ thuật giải mà đời ngắn». Những đời tựa như cái gì ấy mới là những kho vàng cho hậu thế. Muốn nghìn cuộc đời phỉ nguyện chỉ là muốn nghìn cái so không, cộng lại chỉ là số không

Ta hãy mở tâm hồn ta luôn luôn đón gió ngoài, đón cả phong ba nữa, ta hãy mang cái linh hồn ta ra khỏi cái mai dầy đặc của sợ sệt và lười biếng. Lửa bên trong đốt cháy ta, nhưng nó là ánh sáng của ta và là sức mạnh của ta đó.

ĐÌNH GIA TRINH

SẮP CÓ BÁN:

NGUYỄN TUÂN
QUÊ HU'ÔNG

trư
THIỆU QUÊ HƯƠNG
Gần 500 trang — Ấn loát công phu
Bản thường: 4\$50. Bản quý: 20\$00

ANII HOA

69, Rue du Charbon, HANOI
Thư và tiền để tên ông: MAI VĂN PHÚC

TÌNH-HÌNH KỸ-NGHỆ ĐÔNG-DƯƠNG

Xứ Đông-Dương vốn không phải là một xứ kỹ-nghệ. Trong số 12 triệu dân hoạt động về kinh-tế chỉ có 150.000 thợ kỹ-nghệ, đối với 10 000.000 dân làm nghề nông; và « nếu lấy một năm trước chiến tranh như năm 1937 làm thí dụ, thì ta thấy hàng do đại kỹ-nghệ sản xuất đem bán ra nước ngoài không quá 5.1% giá hàng ta xuất cảng (2) »

Hai điểm chính của nền kỹ nghệ ấy là:

1-) Sự hoạt động kỹ nghệ quan trọng nhất quy vào việc khai khẩn các mỏ than đá, sắt, kẽm, thiếc và tungstène, phốt phát mà Đông Dương có nhiều. Số thợ mỏ là 50.000 người. Những khoáng-chất khai được hầu hết đem bán ra ngoài; kỹ nghệ trong xứ chỉ dùng đến một phần nhỏ. Trên kia đã nói giá hàng kỹ nghệ đem bán ra nước ngoài không quá 5.1% giá hàng ta xuất cảng thì riêng than đá đã chiếm 3, 8.1.

2-) Kỹ nghệ chế tạo hoạt động trong một phạm vi rất nhỏ hẹp, hầu hết những chế tạo phẩm cần dùng trong xứ đều là hàng nhập cảng.

Vì vậy cuộc chiến tranh hiện thời đã có ảnh hưởng lớn đến nền kỹ nghệ Đông Dương. Việc buôn bán với nước ngoài (trừ với nước Nhật) bị ngừng hẳn. Những khoáng sản không xuất cảng được, những kỹ nghệ khai mỏ sụt kém đi nhiều. Sự thiếu thốn gay gắt về những hàng chế tạo nhập cảng đã khích thích, làm nảy thêm và bành trướng một số kỹ nghệ chế tạo (và tiểu công nghệ (3)). Nhưng, trái lại nhiều kỹ nghệ chế tạo, dùng đến nguyên liệu nhập cảng hoặc khí cụ và bộ phận máy móc phải thay mới mà không mua được cũng không làm ra được, cũng bị tê liệt hoặc sa sút.

Ta thử xét lần lượt tình hình các loại kỹ nghệ trong hai năm vừa qua và so sánh với tình hình trước chiến tranh để thấy những sự thay đổi trong nền kinh tế này.

(1) Những con số trong bài này đều do tài liệu của chính phủ công bố ở hai kỳ hội chợ Hanoi 1941 và Saigon 1942 cũng trong những cuốn: Annuaire statistique de l'Indochine 1940, les Réalisations de la Révolution nationale en Indochine và Bulletin économique de l'Indochine 1943-1

(2) Xem Thanh Nghị số 7 số đặc biệt kinh tế

(3) Xem bài, Tình hình tiểu công nghệ trong 2 năm vừa qua • T. N. số 34 và 35.

Kỹ nghệ khai mỏ

Kỹ nghệ khai mỏ là một ngành bị thương tổn nhiều nhất. Số quặng mỏ xuất sản sụt hẳn đi vì bởi sự khó khăn về vận tải (1) và sự phong tỏa về thương mại, số quặng dùng trong xứ và bán ra ngoài kém đi nhiều.

Số than đá năm 1939 khai được 2.615 nghìn tấn thì năm 1940 chỉ khai được 2 500 nghìn tấn sụt đi hơn 10 vạn tấn.

Quặng khai được	1939	1940	Kém đi
Quặng thiếc và tungstène	3.037 nghìn tấn	2.869.000 t.	17 vạn t.
Quặng sắt và manganèse	138.200.000 tấn	33.100 000 t.	3 phần tư
Phốt phát	35.700 000	24.340 000 t.	1 phần 3.

Tuy thiếu những con số sản xuất về năm 1941 và 1942, nhưng ta cũng có thể đoán chắc chắn là sự hoạt động của các kỹ nghệ mỏ sụt đi nữa.

Chính phủ đã phải can thiệp để giữ cho tất cả các công ty mỏ đều có thể sống trụ thì được, bằng cách ấn định số sản xuất, bắt buộc các công ty không được khai khẩn quá mức ấy và sản phẩm bán theo số sản xuất của các công ty. Các công ty hợp lại thành một liên đoàn khoáng nghiệp đứng ra điều khiển việc bán các hàng sản xuất bằng một thương cục chung. Một số khoáng sản được trữ lại để chờ khi lại xuất cảng được như thường.

Tuy nhiên có những công-ty mỏ pháp-nhật mới thành lập để khai khẩn những quặng mỏ xuất cảng sang Nhật Bản; apatite (để chế phốt phát) ở Lao Kay, Chrome ở Thanh Hóa, sắt và Manganèse ở Thái Nguyên. Số quặng sắt và manganèse khai được chừng độ vài chục ngàn tấn. Mỏ sắt ở Đồng hỉ (Thái Nguyên) mới tìm

(1) Ở miền nam Đông Dương xe lửa, phải đốt bằng củi, điện dùng bị hạn chế; ở Nam-Vang từ 12 giờ đêm đến 3 giờ sáng không có đèn ở trong nhà cũng như ngoài đường; ở Saigon điện dùng hàng tháng trong mỗi nhà không được quá một số nhất định. Nguyên nhân là vì sự vận tải khó khăn, số than đá chở vào miền Nam không đủ cung cấp các máy.

Xem Bulletin économique 1942-1

hầu hết Avril 1942 lan trên một bề rộng là 900 mẫu tây và số quặng sẽ khai được ước phỏng là 100.000 tấn.

Sở Si măng Hai phòng từ đầu năm 1942, đã khai mỏ gypse ở Lào đề bù vào số vật liệu ngày trước phải nhập cảng. Từ năm 1941, người ta cũng đã khai ở những mỏ con con, những chất xưa nay phải mua của ngoài: nhưng đá (amiant) và than chì (graphite). Người ta có tìm mỏ dầu hỏa và đảo, thử nhưng không hi vọng, có kết quả.

Kỹ nghệ nặng (grosse Métallurgie)

Ngày trước Đông Dương chỉ có nhà máy đúc kẽm còn bao nhiêu quặng sắt đồng chì thiếc và tungstène đều bán ra ngoài cả.

Đến nay, vì sự cần dùng trong xí về những đồ kim-khí không thể cung cấp bằng hàng nhập cảng được nữa, cho nên người ta đã lập nhiều kỹ nghệ nặng đúc thiếc, đồng, chì và cả gang nữa để dùng vào các kỹ nghệ làm đồ kim-khí.

thật hiển-nhiên vì nó là một loại kỹ nghệ nặng làm căn bản cho những kỹ nghệ máy móc, dụng cụ và khí cụ. Năm 1920 đã có những cuộc thí nghiệm nhưng vô hiệu quả. Thành ra trước hồi 1940, tất cả số gang cần dùng đều phải nhập cảng, mỗi tháng là 600 tấn. Từ năm 1939 đến 1941, ông Mai-Tâm xây một lò máy đúc gang ở Bắc-Son được nhà nước giúp tiền và phần chuyên môn. Nay là đúc ấy thu về quyền khai khẩn của sở « Thanh tra khoáng chất và kỹ nghệ » (I.G.M.I inspection générale des mines et de l'industrie) và công ty S.F.C.I. tháng Septembre 1942, đúc được 302 tấn gang tháng Octobre, 242 tấn, tháng Novembre 330 tấn; tính đồ dorr mỗi ngày đúc được từ 10 đến 12 tấn.

Thực ra, những kỹ nghệ nặng lập ra để đúc những quặng mỏ thành những khuôn-chất dùng trong kỹ nghệ máy móc, khí cụ và dụng cụ chữa có thể dùng hết số quặng mà ngày xưa các công ty mỏ vẫn khai được hàng năm về xuất cảng, cho nên các kỹ nghệ khai mỏ như trên kia đã nơi đã phải thu hẹp sự hoạt động lại.

TRONG HAI NĂM VỪA QUA (1)

VŨ ĐÌNH HÒE

Đông-Dương xưa kia cũng có một nhà máy đúc thiếc ở Cao Bằng nhưng từ năm 1932 đến 1940 thì thôi làm việc. Tới năm 1941, Công-ty C.G.C. (1) lại lập một nhà máy mới ở Hải-phong đúc chừng 30 tấn thiếc mỗi tháng, và năm 1942, đã sản xuất 250 tấn có hai nhà máy đúc chì lớn mới xây năm 1942 một ở Bông Miêu của sở S.I. M.A. (2) và một của công ty C.M.M. I (3); một nhà máy nhỏ đúc antimoine của Công-ty C.G.C.

Công ty. S.O.C.O đã dựng ở Cholon một nhà máy đúc đồng, cắt mỏng và kéo giấy đồng, bắt đầu làm việc từ tháng Juillet 1942. Ở Bắc-kỳ việc đúc những quặng đồng đã do ông Charles Gros làm thử có kết quả; việc kéo giấy đồng đã chính bị để bắt đầu thực hành ở xưởng máy của hãng Berset và « sở kỹ nghệ máy móc và binh-khí » (Service des industries mécaniques et d'Armement).

Việc đúc gang (bằng quặng sắt và than coke) là một việc rất mới ở xứ ta mà sự quan trọng

Trị có kỹ nghệ mỏ kẽm hoạt động hơn xưa.

Kỹ nghệ dầu đốt máy và làm trơn máy.

Vấn đề dầu đốt máy và dầu thấp thật là một vấn đề liên quan-hệ đến cuộc sinh-hoạt hằng ngày của dân-chúng và sự giao thông trong xứ. Đông Dương trước hồi chiến tranh tiêu thụ 40.000 tấn dầu sáng, 40.000 tấn dầu hỏa 20.000 tấn mazout 15 đến 20.000 tấn dầu làm trơn máy.

Việc sản xuất còn đốt máy đã được khuyến khích trường rất mạnh. « Hãng cắt rơm Đông Dương » (S.F.D.I.C) mỗi tháng cắt được 17.000 Hl còn thêm pao từ 4 đến 5000 Hl (thứ rơm 900), cũng dùng vào việc đốt máy. Năm 1941 công ty làm đường lập một nhà máy cắt một thành cộn. Cùng với cách dùng hơi than (bằng máy chạy hơi than) việc dùng còn đốt máy đã giải quyết được một phần khó khăn về sự vận tải, và 40% xe hơi vẫn còn dùng được.

Ở Phnom Penh, Công ty C.F.A.P đã dựng một nhà máy nấu mỡ cá để cắt thành một thứ dầu thay dầu mazout dùng trong các nhà máy. Đã

(1) Compagnie générale du commerce

(2) Service des industries mécaniques et d'Armement, một chi-cục của sở Thanh-tra khoáng-chất và kỹ nghệ.

(3) Compagnie minière et métallurgique de l'Indochine.

HAI TẤM VÉ SỐ

NGUYỄN TUÂN

(Tập theo số 37)

Hồ ngắm nghía tấm thẻ đồng 166 trong lòng bàn tay, đã có cái ý kiến là sang hẳn bên nhà kèn vườn hoa Bùn Be ngoài cửa kia mà chơi một lúc khá dài để tránh cho mình cái tội khai luận về chung quanh một cách rất đáng không được đẹp như thế này.

Bỗng có một ông Tây đứng tuổi khoác tay một cô đầm trẻ tuổi vào chỗ quầy bàn giấy dành cho những người ghi tên trúng số trên những tấm giấy bướm màu xanh xanh. Ông Tây đứng chờ ở đây, không biên gì cả. Người đầm trẻ hỏi người bạn già của nàng:

— Vậy người yêu của tôi đã trúng cái số bao nhiêu? Mà cứ làm ra vẻ bí mật mãi thế?

— Mười đồng, người bạn nhỏ nhỏ của tôi ạ.

Hồ thính tai, tóm được mẩu đối thoại nũng nịu này. Chàng muốn được nghe và được xem nữa về đôi người phong lưu này đi lĩnh số không muốn qua bên công viên Bùn Be vội.

... gặp người phân việc đó đứng dạy tiếp mình, ông... đã đưa tấm vé số trúng cho ông thư ký với một câu rất ngọt ngào: « Ông làm ơn cho tôi đổi tấm vé trúng này lấy một cuốn sổ mười vé mở vào kỳ sau.. Cảm ơn ông ». À, ra thế. Hồ gật gù, « Có thể chứ! » Chàng nhìn ông... có ý khâm phục ông về cử chỉ vừa rồi nó thỏa đáng với cái bề ngoài của ông, ở giữa phòng này đang nhao lên vì một thứ tiền... được của Thượng Đế của Rủi May.

Hồ đã tưởng đến đây là tất câu chuyện... đi lĩnh vé mười đồng». Nhưng không, thấy người tình quay ra cầm cả tập vé mới sắp cho vào cái ví to góc bít vàng, cô đầm liền nũng nịu:

— Thế mình giữ cả à. Sao mình tham thế? Ừ ra mình cũng phải chia cho tôi một nửa, đưa tôi giữ năm số để kỳ sau xổ mà trúng thì tôi sẽ càng nhớ đến mình, đến cái buổi chơi đẹp này tôi cùng mình đi chơi.

— Không, không bao giờ có thể như thế, người bạn xinh xinh của tôi ạ. Nếu em muốn sắm sửa thêm cái gì nữa để làm vật kỷ niệm một buổi sáng này, thì em cứ nói, anh liền đi mua ngay

cho. Hoặc em muốn lấy tiền tiêu riêng v.v. việc gì, anh sẽ viết séc cho. Từ trước tới nay, ta có tiếc em đồng nào không? Nhưng đưa vé số cho em, ta không bao giờ chiều em để đến nỗi thành ra một người tình nhân hờ. Hồi người bạn xinh xinh, em có dám nguyện cùng ta một câu rằng mai kia mà trúng số lớn, em vẫn giữ nguyên một lòng với ta không? À, em ngập ngừng!

Ông... ăn chơi đó, cười nôm nỉnh và cô.... thì giả vờ phụng phịu. Hồ nhìn theo họ ra cửa, cảm thấy ra khi người ta có tiền thì những cử chỉ vật vãnh lúc ra ngoài để có thể đẹp và gọn lăm. Ngày trước khối lần, Hồ cũng đã được đẹp trong lối dùng tiền của mình. Đối với một người bạn đánh cá ngựa hay chuộng tiền ấy đang ăn tiệc mừng ngày thành gia thất. Hồ gửi đến mười tập vé số, thay lễ vật mừng cưới. Lúc mua hết cả lô vé, chàng nhìn cái mặt bàn bày vé bán nơi đầu phố đã sạch nhẵn, chàng nhìn cô bé ngạo nhiên và hi hửng ấy, lòng nảy lên ý nghĩ là chụp ngay cô vào ảnh và dưới ảnh đề: « Người Đàn Bà của Xổ Số ». Lại một lần ấy, có người bạn thân mất ở Sài Gòn, Hồ không vào được, bèn đánh giấy thép bảo một hiệu bán hoa Đà Lạt trong ấy làm hộ cho một vòng hoa và dặn thêm nhà hàng là lúc đem hoa tới nhà đám thì thuê luôn hộ cho một cái xe hơi hòm kính mà đặt hoa phúng vào đấy. Nhiều người hỏi đó đã để ý đến cái xe hòm kính không có ai ngồi, mở máy chậm chậm theo cừu đến tận huyết, trong cả một lòng xe khỏe 12 máy, chỉ vền vền có một vòng hoa trắng có ghim một cánh thiệp mang tên Hồ. Và đối với một vài chỗ đi lại vốn đã quý tiền nhưng chết cái lại còn biết quý đôi chút về phẩm cách, Hồ đã có một lối đền đáp rất gọn. Là sau mỗi kỳ ăn ở ở đây dăm bảy bữa, lúc ra đi, Hồ bao giờ cũng giả vờ bỏ quên lại một cái đồng hồ quá quýt, một cái bút máy thân bạc vàng mạ hoặc một cái hộp đựng thuốc lá bằng bạc cũ, vân vân. Hồi đó, sẵn bạc để mà tiêu cho riêng một thân một mình thôi, Hồ tiêu gọn lăm và nhiều lúc đã phải bực mình về cái lối bỏ tiền ra một cách luộm thuộm vụng về và lèm nhèm của nhiều người giàu có gần chàng. Ừ, ông giàu mà buộc nhau phải thiếu thốn thì

phải chịu vậy thôi, chứ còn đã sống sống tại thì sao lại có thể nhem nhuốc đến thế? Hồ thường phân nân cho họ. Cái đồng tiền chỉ đáng kể ở lúc người ta biết cầm nó mà quăng lia ra, khỏi người mình thế nào cho nó gọn mắt người khác. Được tiền và không kể là tiêu cho ai hoặc vào việc gì, thế là Hồ thích rồi.

Nhưng bây giờ thì khác. Nhưng bây giờ thì Hồ không còn là riêng của Hồ nữa. Ngoài Hồ ra lại còn một người đàn bà mang tên Hồ — mặc dầu người ấy chỉ là một người vợ soàng làm nghề bán hàng nước thu vào từng xư một; — lại còn một đứa bé sẽ lớn lên để đánh dấu tên tuổi Hồ vào cuộc đời; lại còn một cái cửa hiệu cho thuê xe đạp luồn lẹo gọi, để thuê môn bài hằng năm và tiền thuê nhà hằng tháng; cùng là muốn thứ chỉ tiêu linh tinh. Bây giờ, mỗi lúc muốn nói lên hoặc vâng trả đưa chân ra là Hồ đã thấy mình phải nghĩ đến một cửa hiệu nhỏ ở Thụy Khuê, một người đàn bà, một đứa bé. Tất cả tâm hồn chàng và thể xác chàng, chàng đều đề cả vào đấy. Cả đến đồng tiền nữa. Đi lĩnh một vé số trúng mười đồng, lúc này, Hồ đã nghĩ đến vợ con mình nhiều hơn là nghĩ riêng cho mình trong mấy việc sắp tiêu đến bằng cái số tiền trúng số. Mua cho vợ một cái khăn để chít vào ngày năm mới sắp đến. Mua cho con một con ngựa gỗ sơn màu hồng — về con ngựa này, trước chàng định mua cái thứ sơn màu xanh nước hồ nó mới đẹp làm sao, nó đẹp giống như cái nước sơn khung cổ xe đạp mới có ghi dòng chữ mà chỉ khách hàng nào quen thuộc và tin cậy lắm chàng mới dám cho thuê; nhưng vợ Hồ cứ muốn màu hồng kia, kêu rằng màu hồng giống như màu hoa đào ngày tết và vui ấm hơn; xanh nước hồ và hồng hoa đào thì đã làm gì, chẳng nhẽ có một tí thế mà cũng to tiếng cãi nhau đến chàng đã an ủi vợ rằng ở rồi thì mua ngựa gỗ sơn màu hồng cho con. Thế là vợ một cái khăn, con một cỗ ngựa gỗ và chàng? Chàng, nếu còn thừa, chàng sẽ mua mấy gói thuốc lá, Tất phỉ phèo có tí khói nó cũng vui mồm. Cũng như đã từ lâu đoạn tuyệt được với thuốc phiện rệu rã và cả ngựa và đàn bà tay chơi, đã lâu lắm Hồ không hút thuốc lá. Từ cái ngày quyết lẹ. xa xa ấy, một đêm đi tiểu soi mặt mình vào bồn nước giải mình và nếm luôn cái hộp thuốc lá đầu thép vang ấy xuống rãnh cống cạnh đấy, Hồ đã không hút đến một điếu thuốc lá nào của cuộc đời này. Đối với khói, thật Hồ cũng chẳng thèm thường gì nữa. Cả một gia tài chàng đã hóa ra khói cho chàng trông thấy rồi còn gì nữa. Một suýt nữa, nếu không màu chân thép của một cuộc sống của lòng chàng cũng ra khói luôn. Khói chỉ còn gọi cho Hồ những cảm giác sợ lạnh và những cảm tưởng hơi tức. Khói, giữa là cháy to. Chạy cao cái, chạy tắc lòng, chạy đời người. Đã đảo phôi.

Nhưng giá bây giờ có làm quen lại với một tí khói thuốc lá, cũng chẳng có gì là nguy hiểm. Tàn một ngày, ôn lại những điều mình được bằng lòng do cần lao đem lại từ lúc mặt trời nhô lên, ngồi bên cạnh vợ con, hút một điếu thuốc để nhìn khói thuốc bị lẫn vào cái đám khói bếp nó lượng thiên nó to nó cao nó rộng và chắc chắn hơn, thì có gì mà đáng sợ.

Tiếng ông Tây Kho Bạc gọi to đã làm Hồ tỉnh cơn tâm sự. Ông gọi con số 150 đến mà lĩnh. Ông nhắc lại từng tiếng. « Một trăm năm mươi ». Rồi có đến bao nhiêu tiếng khác phụ họa vào. « — Kia ai là một trăm năm mươi thì vào, mà lĩnh đi để còn nhường chỗ cho người khác chứ ». Hồ lại ngồi xuống ghế tắm thể đồng của mình ra ngâm. Có một người đàn bà đi đi lại lại trước mặt Hồ, quệt tà áo vào má Hồ, Hồ vẫn thản nhiên như không biết đến. Đã đến nửa tiếng đồng hồ trước, người đàn bà ấy lướt qua Hồ, chứ không phải là giờ mới lướt qua. Hồ đã trông thấy cô ấy — người đàn bà bệ đặc đang lướt đi lướt lại trong phòng lĩnh tiền kia, chính là cô. — từ lúc mới vào và chính lúc Hồ lĩnh tiền thể đồng số 166 thì đứng ngay ở quầy gỗ sát cạnh tay chàng để lĩnh một thẻ có con số nổi vào đấy. Nhưng gặp lại cô nhân là một người tình cũ rất thân yêu của Hồ — Hồ không chào. cũng không tỏ vẻ gì là ngạc nhiên. Khi Hồ đứng cạnh nàng và lại càng không một chút ngạc nhiên nào nữa khi Hồ và nàng không chào nhau. Bốn con mắt ấy nhờ có bật gặp nhau thì chỉ có dừng dừng. Sự dừng dừng của đôi bên lại không có gì là ghê lạnh hoặc thâm oán. Hồ và đã nhìn lại nhau ở đây như là nhìn người thiên hạ, không một tí rung động của thờ thịch, không mảy may biến chuyển của thần thái. Hồ và gặp lại nhau chỉ như là một người lạ thấy một người lạ. Ngoài Hồ và ra, đó tất cả một phòng đầy người này dám nói chính hai người đã là một lứa đôi quen thân nhau, quen ý ân quen nét ở và có những lúc đã song song, cùng đi trên những thoi đường dài tới đôi ba năm ròng — qua mỗi mốc đường, lại đánh rớt xuống ít tiền bạc, vụt xuống đấy một bó hoa tươi và sợ hoa héo thì lại rơi sẵn luôn xuống một cốc rượu. Trên con đường ấy — mỗi hòn đá là một đồng tiền phung phí — Hồ và đã cười nhiều hơn là khóc. Cho đến một ngày gần đấy, thấy nụ cười đã héo vằng dần và cuộc vui đùa tay đôi ấy chỉ còn là gượng gạo, Hồ đã xòe một bàn tay thành thực bắt lấy bàn tay ngâm ngùi và ngần ngại. Người đàn ông vốn bao giờ cũng can đảm hơn người đàn bà và xử sự vẫn khúc chiết hơn nên Hồ đã chứng thực bảo Suy Đan: — « Chia tay đi thôi chứ. Ăn cổ bát,

không nên đợi đến lúc người ta đưa chè sôi ra rồi mới chịu lùi mà đi về. Trong sự gần gũi nhau, có những lúc nên giải tán sớm đi một tí thì lại hóa ra hay. Rõn ngồi thêm một dây nữa, chút dư vị của nhau sẽ tan đi một cách oan uổng. Chúng ta đã biết nhau trong thừa thãi của tiền bạc, chúng ta đã được tiền bạc và vô tư lự cho chúng ta thực hiện đời sống tình cảm đến triệt để trong một thời hạn kẻ cũng đã là bền rồi, nay tiền bạc đã bỏ mình mà đi trước rồi, thì hai đứa mình cũng nên chia tay nhau đi thì vừa.» Người đàn ông nói câu ấy không vấp vuu lũng túng. Hồ vốn là người can đảm, không có những lối nể nang vô nghĩa lý và tiêu cực của tình cảm và lúc chia tay, lúc phải chia tay với ai hoặc với một vật gì — một khoảnh vườn đoạn mại, một cái xe gan vào một tiếng bạc thua, một con chó một cái máy hát sang tên chủ cho người yêu — chàng đều tỏ ra là người sáng suốt.

Thấy Suy Dan còn thồn thức, Hồ nói thêm: «Nin đi người đàn bà. Lúc này là lúc người đàn bà nên làm khác cái bản tính sù sì của mình. Thôi, tôi đi ra khỏi đời nàng đây. Tôi đi ra, không một vết dấu gì của oán kết. Và nàng đi tiếp cái đời sống nàng, đừng chút gì vướng bận về ta. Mà này, giá tôi và nàng cùng thề độc với nhau một câu đã rồi hãy chia tay. Là cùng nguyên rằng sẽ không chào nhau mỗi lần lỡ gặp lại chỗ đông, là sẽ không khi nào tìm lại nhau bất cứ ở chốn nào, nếu có chợt nghĩ gì đến nhau. Bao giờ đồng tiền lại lộn về với tôi đồng đúc như hồi mới gặp nhau, thì chúng ta lại sẽ làm quen với nhau như ngày mới gặp.»

Cái đêm bỏ Suý Dan ấy, Hồ vặn lái chiếc xe hơi mình qua phố kinh đô, tốc lực nhanh như sức sao sa, đội xếp tha hồ mà huyết còi. Cái xe ấy vốn cam cho nhà ga-ra sắp đến hạn mất đứt xe; Hồ đã cho đồ ét-săng vào xe, với cái ý chua chát rằng đây là lần ét-săng cuối cùng. Chàng đã cầm lái rú ga như một người linh cảm tử vong vào trận hiểm, định nếu không được tan xác cùng với xe ở những chỗ rẽ ngoặt thì lúc nào hết ét-săng, chàng sẽ cho đời mình hết luôn bằng một tiếng «chó lửa» nổ.

Ấy thế mà đêm ấy Hồ vẫn còn được làm người và sau đấy ít ngày, Hồ đã trở nên một chủ hệu xe đạp xinh xắn ở ngoại ô. Trong mình người chủ hệu bé bỏng ấy, đã có chôn đi mất một người để làm sống dậy một người khác đang định lấy lại một chút trình tiết cho tâm tư, bất cứ bằng cách gì.

(Còn một kỳ nữa tiếp)

NGUYỄN TUÂN

SÁCH ĐỜI MỚI MỘT PHO TRUYỆN QUÝ THANH-DẠM

Một truyện dài vĩ đại

MỘT TÁC PHẨM ĐẶC BIỆT CỦA
NGUYỄN CÔNG HOAN

500 trang — In đẹp — Giá: 4\$50

(có in riêng 5 bản giấy quý, mỗi bản giá: 20\$00)

Xem mấy lời sau đây đủ rõ pho Thanh-dạm rất có giá trị:

«... Ông Hoan, trong Thanh-dạm đã hết lời ca-lộng quan trường. Thật đáng mừng».

THƯỢNG-SỸ — Tin Mới văn chương

«...Cổ điều lạ là Thanh-dạm không phải là truyện tình mà xem rất say mê...»

LÊ-THANH

«...Tôi đã khóc khi thấy ông Lê-Sỹ-Cư học lên những tiếng khóc mẹ. Tôi đã khóc vì ngày nay thấy ít người khóc mẹ như ông Lê-Sỹ Cư...»

NGUYỄN QUÝNH

«...Thật là một bài học luân lý cho những kẻ đang tối mắt về đồng tiền...»

LÊ-VĂN-TRƯƠNG

«...Cái tên Nguyễn-Công-Hoan đủ đảm bảo cho cuốn sách...»

PHAN-ANH

ĐÃ CÓ BÁN:

MỘT NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM MỚI (in lần thứ tư) của THÁI PHỈ.	1\$20
SÔNG GIÓ ĐỒNG CHÂU (in lần thứ hai) của THÁI VI LANG.	2.00
THANH NIÊN KHỎE của ĐÀO VĂN KHANG.	1.00
MUỐN HỌC GIỎI của THÁI PHỈ.	1.00
LUẬN VỀ TIẾNG NAM của NGÔ QUANG CHÂU.	0.70
TRUYỆN HỌC SINH mỗi tập từ. . . 0\$15 đến 0.30	
PHỤ NỮ VỚI GIA-ĐÌNH DỪNG-KIM.	2.00
PHỤ NỮ VỚI HÔN-NHÂN VIÊN-ĐÌNH.	1.50
CUỘC TIẾN-HÓA VĂN-HỌC VIỆT-NAM KIỀU-THANH-QUẾ.	2.20

Muốn có bản thống kê NHỮNG SÁCH GIÁ TRỊ, xin gửi cho thêm 4 chữ: NHỮNG SÁCH GIÁ TRỊ.

Nhà xuất bản ĐỜI-MỚI

■ 62, Hàng Cót — HANOI ■

== BA CUỐN ==

TIỂU-THUYẾT

PHÁP HIỆN ĐẠI

LÊ HUY VĂN

QUYỀN THỨ BA

HỒI tôi còn học ở trường Bảo-hộ, một ông giáo người Pháp chuyên dạy về khoa sử-ký, vốn cũng là một thi sĩ tài hoa, nhân nói đến Proust có bảo chúng tôi rằng: «Tôi không hiểu sao lại có kẻ khiến ngồi được một nhà văn đáng chán như thế! Về phần tôi, tôi chưa từng có can đảm đọc hết một trang sách của ông ta bao giờ».

Cảm tưởng đó sẽ là cảm tưởng chung của những người mới bắt đầu làm quen với cuốn tiểu thuyết «Du côté de chez Swann» (Về phía nhà ông Swann) mà tôi nói đến kỳ này. Ai đời một câu chuyện mà chẳng có chuyện gì. Hai quyển sách dày hơn sáu trăm trang mà rút lại chỉ là một mớ kỷ niệm ngày thuở nhỏ, quãng giữa bị một câu chuyện tình vu vơ ngắt đứt. Mở đầu sách đã có chín trang dày đặc đề tả cái nông nổi của tác giả «giờ, mình bên này, vật mình bên nọ mới ngủ được yên giấc». Chín trang giấy mà chỉ có tám lần xuống giòng. Những độc giả đã quen với các tiểu thuyết Pháp, xếp đặt phân minh, khéo léo, tả, chịu chẳng hiểu mặt lạc câu chuyện ra sao. Lại còn những câu văn giải hơn sáu mươi giòng, đoạn nọ cách đoạn kia bằng chấm phẩy (;), đầy những mệnh đề phụ thuộc, những tương quan đại danh từ, lẫn điệp-từ.

Năm nhà xuất bản lần lượt từ chối bản thảo tập «Về phía nhà ông Swann» của Marcel Proust, trong đó có cả nhà Nouvell-Revue Française là một nhà xuất bản tự phụ là chủ trương những trào lưu văn học tiên phong. Các nhà phê bình lúc sách đã ra đời đều đồng lòng âm mưu yên lặng không nói đến. Hàn lâm viện Goncourt, trẻ trung là thế, mà lù-hạp đề phát giải thưởng hàng năm cũng không đề ý đến cuốn văn đặc biệt đó. Cho hay, dù ở đâu cũng vậy óc thủ cựu cũng vẫn còn mạnh vô cùng: những thói quen từ trước làm cho người ta không chịu hiểu những cái mới lạ khác khuôn khổ thường lệ.

Marcel Proust sinh ở Paris ngày 10 juillet 1871, bố là một vị thầy thuốc có danh, mẹ thuộc giống người Do Thái. Từ bé Proust đã mang một bệnh ghê gớm trong người: bệnh hen xiễn. Một hương thơm làm cho ông tưởng đến ngạt hơi, chỗ khoáng vắng, thôn quê đối với ông là nơi cấm địa.

Cho đến năm ba mươi nhăm tuổi, ông còn gượng gáp đi lại được. Quãng đời đó hoàn toàn ở các phòng khách, chuyên việc giao

du thủ tiếp. Những lẽ lố lỉ mỉ, phiền phức của phép xã giao đủ để bận rộn tâm trí một nhà văn, sẵn tiền lại rảnh rang thì giờ. Để ông nào ngồi cạnh bà hào, chào ra làm sao, nói ra làm sao, học thuộc lòng những dây mơ để mà nối giòng công tác này với gòng bà trước nọ, đó là công việc hàng ngày. Nhưng trong thời kỳ này, Proust cũng có hoạt động đôi chút về văn chương. *Le Banquet* (Bữa tiệc) là một tờ tạp chí ông lập ra cùng mấy người bạn. Năm hai mươi nhăm tuổi ông xuất bản cuốn văn-phẩm đầu tiên có Anatole France đề tựa, Madeleine Lemaire vẽ tranh.

Từ năm băm nhăm giờ đi thi mà bệnh thăng thế. Người ta ít khi còn gặp mặt ông ở ngoài. Gian buồng cửa đóng kín mít, vách lát toàn liège để cho tiếng động bên ngoài không vào được, không khí đầy những hơi khói của các thứ thuốc xông: đó là chỗ nhà văn sáng tạo. Ngày ngủ, đêm thức, Marcel Proust cứ nằm nguyên trên giường tiếp bạn bè và viết sách. Ba nghĩa rưỡi trang giấy đã cấu tạo ở trong bóng tối thiếu vệ sinh. «Tôi thì sách tôi viết chẳng phải là những lời dối đáng từ bỏ của một kẻ hấp hối viết cho vợ mà là một câu chuyện rất dài viết cho rất nhiều người, viết phải thật lâu. Ban ngày tôi còn cố gắng gượng ngủ đi chút ít. Tôi có làm việc được chỉ về đêm. Nhưng tôi cần phải có nhiều đêm, có lẽ một trăm đêm, có lẽ một nghìn đêm. Tôi sống mà lúc nào cũng lo sợ không biết thần số mệnh buổi sáng lúc tôi ngừng câu chuyện, có khoan dung như đức vua Sheriar(1) mà hoãn thi hành bản án tử hình để cho tôi tối sau lại được nói nốt không...» Ông mất ngày 18 Novembre 1922, trước khi chết còn đọc cho viết những cảm giác của mình đương hấp hối đề thêm vào một đoạn văn, tả cái chết của nhà văn Bergotte trong cuốn *La Prisonnière* (Kẻ nữ tù),

Trong truyện *Á-Rập* «một nghìn một đêm là».

« Về phía nhà ông Swann » là tập đầu của một bộ chuyện dài, gồm mười lăm quyển, trên dưới năm nghìn trang.

Tác phẩm chia làm ba phần. Phần đầu tả những kỷ niệm ngày thuở nhỏ của tác giả lúc ở Combray với một bà cô già có những thói quen kỳ quặc. Từ khi chồng chết bà ta không rời khỏi buồng nằm « một gian buồng ở các tỉnh nhỏ .. làm cho ta vui thích vì hàng ngàn mùi thơm ở đó tỏa ra, phảng phất trong không, mùi của đức tính, của thói quen, của cả một đời âm thầm, vô hình, phong phú, toàn đạo đức... ». Bà cô già ấy chỉ có một sự tiêu khiển là hàng ngày dò hỏi những tin tức bên ngoài, hoặc của mẹ đầy tớ Françoise từ dưới bếp hay từ hiệu bán thực phẩm mang về hoặc của một người đàn bà « khắp khiêng nhanh nhẩu mà điếc » Eu'alie đem ở nhà thờ vào.

Bên cạnh bà cô đó, lần lượt hiện ra hình ảnh những nhân vật của cuốn tiểu thuyết của Proust; họ chỉ mới thoáng qua, nét mặt chưa được rõ cho lắm. Nào một người bạn trẻ của cả nhà, ông Swann, tuy thuộc vào một gia đình trưởng giả giàu có nhưng hình như có giao du rất thân thiết với những vị hoàng thân, công tước, bá tước ở các phòng khách của cái xã hội phong lưu ở Ba lê. Nào nhạc sĩ Vinteuil, rụt rè, khắc khổ mà có một cô con gái chẳng ra gì, ăn ở với một gái làng chơi như vợ chồng. Nào bà của Proust có cái tính kỳ dị là thích đi dạo ngoài vườn lúc giờ mưa. Nào nhà văn Bergotte mà tác giả đã kính phục từ khi còn bé. Nào ông Lagrandin tuy ngoài miệng thì phẫn đối kịch liệt những kẻ chực làm thân với bon quý phái mà chính thâm tâm lại khác hẳn. Nào còn gái ông Swann, Gilberte mà Proust thoáng thấy giấy lất sau hàng rào đầy hoa aubépines trắng và hồng.

Phần thứ hai tả cuộc ân ái của Swann với Odette. Hai người nhân ngãi với nhau để rồi Swann ghen tuông. Ngót mấy trăm trang sách của phần này là cốt đề tả chi tiết éo le của tình yêu hơi kỳ lạ đó lúc chưa yêu, lúc mới yêu, lúc ghen tuông.

Phần thứ ba lại đưa ta về những ngày thuở bé. Mười trang đầu là đề tỏ sức mạnh của những tên tỉnh, tên miền, khéo gọi lại trong lòng cậu bé Proust những hình ảnh dịu dàng. Các trang sau lại nói tiếp tình yêu bé nhỏ của tác giả đối với Gilberte con gái Swann. Lúc này cả hai đều đã lên Ba Lê mà chỗ gặp nhau là con đường Champs Elysées.

Trước khi gấp sách lại ta còn thấy bóng dáng bà Swann mẹ Gilberte, rục rục ngồi trên chiếc xe ngựa, hay dẫn đi tản bộ trong rừng Bois de Boulogne.

Nội dung câu chuyện rất sơ sài, nhưng chất chuyện của Proust không phải ở những việc xảy ra mà ở những sự lưu động của tâm hồn con người. Cho nên nói được hết những đặc sắc của « Về

phía nhà ông Swann » là một việc không làm được trong một bài báo. Muốn thưởng thức cái hay phải đọc nguyên văn hay một bản dịch. Cách hành văn của Proust có một tính cách riêng tưởng như là dễ cây đa ngang dọc trên dưới thăm hiềm hết miếng đất dưới gốc. Lối bố cục cũng lại không giữ về chặt chẽ, thứ tự như các tiểu thuyết Pháp cũ nữa. Nhưng những kỷ niệm của ngày bé lại đến một môi tình của một người quen rồi lại đến kỷ niệm. Tưởng chừng là đi u của tai nghe mà thực ra chính là thêm ý của tác giả muốn dùng cách xếp đặt như vậy để làm cho độc giả cảm giác sự thay đổi của ngày tháng: cũng một ông Swann mà ở đoạn đầu chỉ là hình ảnh một người khách trong con mắt của cậu bé Proust, đến đoạn thứ hai thì lại gặp lại thời kỳ thiếu niên của Swann, đến đoạn thứ ba thì lại là một ông Swann có vợ có con ở Ba Lê.

Người ta đã tìm thấy một triết lý của Proust, một thẩm mỹ học của Proust. Người ta đã làm một quyển tự-điền các nhân vật trong sách của Proust, một quyển kê các nơi có tả trong tác phẩm của Proust. Những sách nói về Proust thật nhiều mà người ta vẫn cho rằng chưa kê cù được hết cái đặc sắc của văn ông. Cho nên dùng một bài báo để nói tới Proust là một việc làm hơi cao vọng quá dù chỉ nói có đến cuốn « Về phía nhà ông Swann ». Tốt hơn hết là dịch mấy đoạn văn để cho độc giả có một chút ý niệm về văn chương Proust.

Nhưng trước hết tưởng cũng cần phải nói qua về ý nghĩa của tên chung của bộ sách của Proust: « *Đi tìm thì giờ đã mất* » (A la recherche du temps perdu) và tên tác-phẩm tôi nói đến kỳ này: « Về phía nhà ông Swann ».

Ba ngọn gác chuông nhà thờ

Mục đích của nghệ thuật là gì? Đối với Proust thì cốt đề đạt tới sự thực.

Sự thực không phải là những vật của thế giới bên ngoài, những hiện tượng xảy ra trong thế gian. Tiên-sinh vốn là một nhà vầu mà các nhà triết học liệt vào phái duy-tâm, cho rằng ở đời chỉ có mỗi một sự thực, ấy là tâm trí con người ta. Cái thế giới bên ngoài có đấy chẳng nữa, ta có biết được, chẳng qua cũng nhờ các giác quan. Giác quan nhận được cái gì, ấy là sự thực của ta đó. « ...Chỉ có cảm-giác, dù chất nể mong manh, dù vết nọ không rõ, có thể là dấu-hiệu để tìm tìm thấy sự thực... Cảm-giác đối với nhà văn cũng như thí-nghiệm đối với nhà bác học làm việc thì đề trí khôn lên trước mà nhà văn thì đề trí sau ».

Cảm giác tuy là bóng của một vật trong gương nhưng vì ta quay mặt giờ vào thì bóng do đối với ta là thực. Cảm-giác có giống như vết chân con

hú đề lại trên mặt đất mềm; con thú đã chạy xa, thì lốt chân dù chỉ là một dấu vết, đối với ta cũng là thực. « Chúng ta không nên chú ý đến nguyên cớ các vật ở thế gian... Các vật đó không có thật nghĩa là không thể diễn tả ra được. Có thật họa chăng chỉ có các ý niệm ».

Nhưng nếu như thế thì người nào cũng là nghệ sĩ du! Cứ mở mắt nhìn, lắng tai nghe là đủ thành một người biết hưởng cái đẹp rồi chẳng.

Nghệ thuật có đâu dễ dàng như thế. Thường thường lúc ta sống cuộc đời hàng ngày thì những cảm giác của ta hơi hụt, nông nổi, vụ lợi không có liên lạc tới cái phần thâm thúy nhất của tâm hồn, phan vô thức. Vì cái tính cách vụ lợi đó mà ta không đạt được tới sự thật. Ta trông thấy một hòn đá ở giữa đường, phớt một ánh chiều tà cảm giác của ta ngay lúc đó có lẫn một chút khó chịu vì việc cần kíp ngay bây giờ là phải tìm cách tránh vật trở ngại đó đi. Mãi sau này khi ta nghĩ lại thì cái vẻ đẹp của ánh chiều lướt trên hòn đá mới cảm được ta một cách sâu sa « Cái thật chỉ có trí não là tìm được, chúng ta thật có biết thời chỉ biết những cái mà ta phải dùng suy nghĩ để tái tạo ra, cái mà cuộc sống hàng ngày giấu đi mất không cho ai thấy ».

Sự thật tức là cái cảm giác nhất thời do lò trí não hun đúc lại cho thành khí. Vì thế dĩ vãng có quan hệ rất lớn đối với nhà nghệ sĩ. « Sự thật thành được là ở trong trí nhớ con người; những đóa hoa người ta gior cho tôi xem lần đầu, hôm nay không phải là hoa thật ».

Marcel Proust vì thế cho rằng cái khoảng bầm nham nam về trước, lúc tiên sinh còn phải sống cuộc đời hàng ngày là một thời gian thật là phao phi. Ngày nay nằm trên giường nghĩ lại thì cái thì giờ mất đi đó mới lại tìm thấy, cho nên bộ sách của ông có tên chung. « Đi tìm thời gian đã mất ».

Ở chỗ bà cô ông ở Combray có hai ngã mỗi chiều mát cả nhà thường dạo chơi. Một ngã đi về phía có biệt thự của ông Swann, một ngã đi về tòa nhà của họ De Guermantes. Thói quen đã phân biệt hẳn hai ngã đến nỗi cả nhà Proust tưởng như đã đi ngã này thì không thể tới ngã kia được.

Những kỷ niệm của tiên sinh cũng theo thứ tự đó: lúc nhớ tới ông Swann, lúc nghĩ tới de Guermantes. Và khi những kỷ niệm riêng biệt ấy hợp được với nhau ấy là lúc « thì giờ cũ đã tìm thấy » (lên cuốn sách cuối cùng của bộ tiểu thuyết).

Trong cuốn « Về phía nhà ông Swann » có một đoạn tả rất rõ ràng cái cách trí não của tác giả hun đúc những cảm giác cho thành sự thật.

Thủa bé ở Combray tác giả chiều đến thường « cái thú theo ông đi chơi. Một mái nhà, một tia nắng trên hòn đá làm cho cậu bé Marcel phải dừng

lại vì vừa cảm thấy rằng « chúng dấu sau tầm mắt của tôi một vật gì mà chúng khẩn khoản mời tôi đến lấy mà dù cố sức tôi vẫn không tìm ra được. » Một ngày kia, cậu bé đã không chịu bỏ rơi cảm giác mà cố tìm cách hiểu cho thấu. Đi chơi đã mỗi, nhân gặp chiếc xe ngựa của ông thầy thuốc, hai ông cháu đi nhờ về.

« Đến một chỗ đường vòng bỗng chốc tôi cảm thấy cái vui đặc biệt không giống một cái vui nào vì tôi vừa nhìn rõ hai gác chuông nhà thờ ở Martinville, ánh nắng tà chiếu rõ vào, tưởng như đôi chỗ luôn luôn vì xe của chúng tôi đang chạy mà đường cái lại vòng vèo. Cả gác chuông ở Vieuxvicq nữa cách hai cái trên một ngọn đồi với một thung lũng, ở đỉnh một bình nguyên rất xa thế mà tưởng như gần.

Nhìn, nhận kỹ hình dáng ngọn gác, sự thay đổi vị trí của chúng, ánh nắng phủ trên mặt mà tôi cảm thấy rằng tôi chưa hưởng hết cảm giác của tôi: đằng sau ánh nắng ấy, đằng sau sức động ấy có lẫn cái gì mà hẳn vừa giữ, vừa cố giấu.

Gác chuông hình như xa tit, chúng tôi thì hình như chẳng lại gần được tí nào thành ra một lúc sau đó xe trước nhà thờ Martinville, tôi ngạc nhiên hết sức. Tôi không hiểu tại sao nhìn chúng ở xa lại làm tôi thích: tôi khó chịu thấy mình cứ phải băn khoăn tìm lẽ tại sao; tôi có ý giữ lại để dành trong óc những nét vẽ động đậy dưới ánh nắng chiều để lúc này khỏi phải bận trí nữa. Cũng may nếu thực hành được ý nghĩ đó thì hai gác chuông cũng lại đến gần vào với bao nhiêu cây, mái nhà, mùi thơm, tiếng động mà tôi phân biệt được với các cảm giác khác vì chúng làm tôi vui thích nhưng tôi đã để lỡ mà không suy nghĩ hơn lên. Tôi xuống xe nói chuyện với cha mẹ tôi để đợi ông thầy thuốc. Rồi chúng tôi lại lên xe đi, tôi lại lên ngồi chỗ cũ, còn ngoảnh đầu nhìn mấy ngọn gác chuông đến một chỗ vòng còn thấy lần cuối cùng. Tên đánh xe không ưa trò chuyện, chỉ ừ ừ không bắt nhời thành ra tôi không có bạn, phải làm bạn với tôi, cố nhớ lại mấy ngọn gác chuông. Chả mấy chốc hình dáng bề mặt đầy ánh nắng của chúng giống, như một vỏ cây rách toạc ra để lộ một chút những cái mà chúng giấu; trong óc tôi vụt có một ý nghĩ chấp lại thành tiếng, thành chữ; cái thích ban nãy, tăng lên gấp bội, tưởng như say sưa tôi không thể nghĩ đến một cái gì khác nữa. Ngay lúc đó, tôi quay đầu lại nhưng Martinville đã xa; tôi lại thấy lũ gác chuông, lần này thì đen xì vì mặt trời đã lặn...

Ngay lúc ấy, tôi không nghĩ rằng sau gác chuông Martinville có giấu cái gì như một câu văn hay vì chính chúng hiện hình thành câu, thành chữ mới làm tôi thích. Tôi hỏi xin ông thầy thuốc mảnh

(Xem tiếp trang 30)

THI không phải tên người, lại càng không phải tên một người con gái.

Đó chỉ là tên một con mèo, thôi nhưng mà một con mèo đẹp, ngoan và đáng yêu hơn cả các con mèo khác, đối với Lương.

Anh ta mua nó ở Lạng-sơn, mua một cách hần học, dần dỗi, như ta sẽ thấy. Vậy mà, nghĩ cũng kỳ, ai ngờ sau này anh ta lại quý Thi đến thế! Hoặc giả những bạn chí tình, thường không mấy khi vò vập nhau ngay buổi gặp gỡ đầu chằng?

Sự gặp gỡ của Lương với Thi kể thì hơi dài, nhưng ta cũng nên thuật lại:

Vậy Lương lên Lạng Sơn. Cố nhiên không phải lên để mua mèo, mà là để xem phong cảnh. — Phong cảnh Lạng Sơn? Nào có gì mà xem? — Vâng, các bạn nghĩ thế, tôi cũng xin đồng ý. Nhưng Lương không biết thế. Anh chỉ nghe nói đến Chùa Tiên, động Tam Thanh, nàng Tô Thị với chợ Kỳ Lừa, và óc chất phác của anh tưởng tượng theo lời người ta tả, thành những nơi thần tiên đệ nhất nước Nam. Anh vẫn nức nỏm được xem cho biết, nên hôm ấy được ngày nghỉ, anh nhất định rủ một người bạn cùng đi.

Hai người lên Lạng Sơn, và họ thấy gì thì chúng ta biết cả. Nghĩa là họ không thấy gì hết và cả hai cùng thất vọng. Nhất là Lương, vì anh có ngờ đâu động Tam Thanh chỉ là một hốc đá buồn cười, và nàng Tô Thị bị xét đánh từ bao giờ, chỉ còn một cái cọc người ta cắm đó để mà nhớ chỗ?

— Tưởng là hùng vĩ thế nào!

Lương vừa nguyên rủa vừa đi trên con đường đất đỏ ra chợ Kỳ Lừa mà người bạn, dễ tính hơn, cố rủ anh đến mua ít đồ với mắc cọt để về Hà-nội làm quà.

Bạn nhủ anh:

— Thôi Lương ạ, ta cũng nên mua mỗi đứa cái gì làm kỷ niệm, gọi là mình có qua đây.

Rồi trở một cái lồng tre đặt bên mấy cái thùng 'mủng của một người đàn bà thổ:

— Hay là anh mua con mèo kia mà nuôi kia!

Thật chỉ còn thiếu có nước ấy!... Lạ như ở vùng xuôi không có giống vật quý đó! Chẳng phải Lương ghét gì mèo, nhưng cuộc hành trình bắt đầu long trọng thế nào mà đến bây giờ kết cục bằng một con mèo, kể thì quá mỉa mai, anh bạn thật là lảm càm!

Nhưng mặc cho Lương cau có, anh ta cứ lúi búi Lương đến bên người đàn bà thổ:

— Bao nhiêu tiền con mèo này?

— Năm hào, thầy ạ.

— Ba hào nhé?

— Không được đâu thầy! mèo tốt lắm.

Anh bạn ghé tai Lương bảo nhỏ:

— Đẹp đấy, anh ạ. Nuôi được! Tôi cứ mà cả cho anh nhe!

Lương, không trả lời, nhưng anh cũng nể bạn mà hạ cổ nhìn con mèo một tý. Anh không lấy gì làm lạ lắm, vì nó nhỏ, mà lại nhẹ mồm. Người bạn vờ không măn mua, bỏ đi một quãng xa rồi ngoái cô lại như trả miễn cưỡng một lời sau chót.

— Ba hào rưỡi đấy! co bán thì bán, không thì thôi đây!

—Ừ thì bán, thầy lại mà lấy!

Anh bạn đắc sách, bấm Lương cười:

— Rẻ lắm! Anh xem tôi mà có giỏi không?

Vậy là con mèo về với Lương.

Nó rơi vào tay anh như một cái số phận. Anh nhận nó một cách chán nản và buồn rầu, như đã nhận bao nhiêu cái thất vọng về cảnh Lạng Sơn.

Khi ra ga, anh xách cái lồng mang nó với một vẻ mặt vô cùng nhẩn nại.

Tội nghiệp con mèo! Hình như nó biết mình chẳng được hân hạnh làm vui lòng chủ mới, nên nó thu mình lại thật nhỏ ở trong lồng. Cổ nó rụt vào, đuôi nó cuộn tròn để dấu dưới bụng, và mắt nó nhìn âm lét.

Tàu chạy nhanh. Bánh xe xiết vào đường sắt, rít lên những tiếng kêu rừ róc. Mỗi lúc gặp quãng cong, toa nghiêng đi, cái lồng lại lún từ gầm ghế ra ngoài. Con mèo khốn nạn lại một hồi quay lộn và rầy rụa. Kinh hoàng nó giờ bốn vó ra vi vu những nan tre để lấy lại thế quân bình, nhưng vẫn không dám kêu một tiếng.

Bấy giờ Lương không biết làm gì cho qua thì giờ mới để ý nhìn nó. Trước hết anh cũng hơi ưng ý vì vẻ ngoan ngoãn và sợ hãi của con mèo. Rồi chú ý hơn, anh bắt đầu nhận ra những đặc điểm mà anh chưa nhìn thấy từ lúc bắt đầu mua nó. Nó là giống mèo Xiêm, lông trắng, đốm đen ở các đầu nhọn như tai, mồm, đuôi và cả bốn chân. Những đốm ấy càng vào giữa mình càng nhạt dần đi, ngã thành màu nâu ở khoảng lưng chừng như năm hồng cháy dở, rồi biến hẳn về những chỗ che những sợi tơ óng ả, trắng nuốt ở bụng và nhất là ở dưới cổ. Nhưng đẹp hơn hết là hai con mắt. Chà! đôi mắt to và tròn, long lanh một ánh sáng xanh rờn, như màu lá chuối non, nhưng mà trong, trong một cách đắm say, ngay ngất, như nước một cái

như hai hòn ngọc-bích chiếu rọi hào-quang vào đêm tối.

Lương thấy mình bằng lòng hẳn con mèo. Anh cúi xuống cầm cái lồng. Con mèo co ro nép vào một góc, không biết trốn đi đâu. Lương mỉm cười, thò ngón tay vào vuốt má nó cho nó trở nên tin cậy. Con mèo yên lặng để cho anh làm, nhưng mắt nhìn vẫn còn sợ sệt.

Chợt Lương nghĩ ra rằng từ sáng nó chưa được ăn gì. Anh nhìn xung quanh xem có hàng quả bánh chi không. La thật! Cả một toa xe mà không có hàng nào! Bao giờ cũng thế, khi không cần đến thì họ rao ới ới, làm điếc cả tai A, nhưng kia! Banh giò! Mau cắt hai chiếc chả lợn! Chả lợn thì hẳn là chu mèo thích lắm. Ấy nhưng con mèo này là cái hay được nhỉ? Lương không sánh, nên không biết rõ. Nhưng cần chi cái tiêu tiết ấy? Đó là con mèo anh ta ưa, thế là đủ rồi.

Anh ta nhìn nó ăn ngốn ngấu những miếng chả bằng con mắt yêu đương và trầm ngâm nghĩ một cái tên đặt cho nó. Anh ta muốn cái tên ấy kêu, nhưng không kêu hể hể và có một ý nghĩa kỷ niệm cuộc đi chơi. Anh cố moi óc tìm những tiếng thô, hay mượt mà, một tiếng có vẻ « mạn ngược », nhưng anh phiền lòng vì mình không biết một tiếng nào. Sau cùng, anh nhớ tên một nhà ga ở dọc đường. Ban Thị. Cái biển đề theo lối chữ tây không có dấu, nên anh không hiểu là Ban Thị hay Bàn Thị. Anh ta mừng quá, vì chữ Thị vừa dễ gọi vừa hay như tên một thiếu nữ. Ồ, có thể mà mãi không nghĩ ra! Được rồi, không phải phân vân gì nữa. Lương hoan hỉ vì tìm ra được chữ ấy. Anh quay lại định khoe cùng bạn, nhưng anh ngổ ngứ vui, ám anh thất vọng.

Vậy con mèo tên là Thị.

Về nhà Lương, việc thứ nhất nó làm khi vừa được thả khỏi lồng, là vò ngay một con chuột nhắt ở gầm bàn giấy. Xin đừng ai lạ, vì nhà Lương nhiều chuột lắm. Chuột lớn, chuột con, chuột nhỡ, chúng thường chạy tung tăng trên sàn gác và có con, lại còn nhảy qua chân Lương một cách ngạo-nghe trong khi anh làm việc, như đề trêu tức anh không làm chi được chúng. Có hôm bực mình quá, Lương cầm chổi phất trần vạt, thì chúng chạy ồ ạt từ phía mà kêu rúc rích như cười với nhau. Rồi một lát sau, khi Lương đã quên được chúng đề vui đầu vào sách vở, thì chúng lại ló mũi ra ở một khe tủ hay một góc tường và vờn tai nhìn anh một cách rất ung dung hỗn xược,

Thấy Thị lập chiến công đầu, Lương sung sướng quá, sung sướng đến gần chảy nước mắt. Anh xoa hai tay cười và nói rằng :

Tốt lắm! Thị mở hàng lấy may. Các chủ nhắt hãy liên hoan!

Hôm sau anh trịnh-trọng đặt Thị lên giường, bên cạnh cái gối đầm trắng bông của anh và vỗ về nó nằm im để chụp một cái ảnh.

Rồi từ đấy, anh ra công giấy Thị cho trở nên ngoan ngoãn. Thằng Nghệ chẳng bao giờ than phiền rằng mất một món ăn lúc dọn cơm. Cũng không bao giờ nó phải la hét vì Thị làm đổ vỡ cái chi. Thị có nét như một cô con gái, diêm dúa như một bà hoàng hậu, và sạch sẽ như một người Nhật-bản. Nó ăn rất gọn gàng ở một góc nhà, không để cơm rơi ra ngoài đĩa bao giờ; nó ngủ trên một cái đệm gai trải ở trong buồng gần giường Lương nằm; và nó uống nước của Nghệ đồ sẵn trong một cái bát để ở ngoài hiên.

Mỗi lần nó chạy xuống thang gác ra đường, chỉ một tiếng gọi của Lương cũng đủ làm cho nó quay trở lại ngay. Và chẳng, nó cũng không bao giờ xuống hết bậc thang, và lâu dần cũng không dám lên xuống nữa vì mỗi lần như thế nó lại bị phạt giam vào « sà lim ». Sà lim đây là khoảng giữa cửa chớp và cửa kính trên bộ một cái cửa sổ lớn khi đóng lại. Khi nào Thị có đi, Lương dốt nó vào đấy. Nó biết tội, không dám kêu, cuộn tròn mình trong một góc như đứa trẻ phục tùng và hối hận. Vì nó hiểu rằng kháng cự hay tái phạm, ắt là mất ăn. Mạ cơm của nó có những đậu cả rán thơm phức những miếng thịt mỡ béo ngậy, những cái xương gà ròn tan! Không, Thị chẳng dại. Anh chàng Lương chỉ hăm hè một lúc vậy thôi. Thị cứ nằm im, tự khác anh ta sẽ ra mở cửa rồi bảo : « Thôi, xuống đi! ».

Thế rồi có khi anh ta còn gấp thêm cho Thị một vài miếng xào trên mâm nữa. Ngầu.., ngầu.., Ngầu.., Ừ, cái anh chàng này thế mà tốt! Trừ cái tính anh ta cứ hay đi bách bộ trong phòng mà đọc những câu chẳng có nghĩa lý gì trong những quyển sách dày mà vô ích, anh ta cũng có một vài nét đáng yêu. Mà đáng yêu nhất, là cho Thị ăn cá luôn luôn. Thỉnh thoảng anh ta lại đem bàn chải ra chải lông cho Thị, hay là sai Nghệ ẵm Thị ra chỗ nắng ấm mà bắt rận.

Mà công việc của Thị bây giờ nhẹ quá. Bao nhiêu chuột trong nhà đã bị Thị tróc nã gần hết. Còn lại chủ nào thì hoặc lảng tránh hoặc ẩn núp ở những hàng cùng kiệt, không bao giờ dám thò đầu ra. Vì các chủ cũng thừa biết rằng Thị vẫn siêng năng tuần tiễu, mà những móng chân nhọn sắc của Thị không biết thương hại là gì.

Thành thử như ông Hoàng nhân hạ, mỗi buổi, sáng Thị ra nằm trên bao lơn sưởi nắng, lọc ánh sáng qua mí mắt mà nhìn những người đi lại dưới đường. Khi nào nểu cần thì nhảy chơi lên tủ sắt mảy con thạch sùng, hay bắt vài con dán để tiêu khiển cho qua thì giờ.

Còn Lương thì mỗi khi đi làm về lại nâng niu, vuốt ve Thi. Anh nói chuyện với Thi như một người tri kỷ, không rời nửa bước. Anh không chắc hẳn Thi hiểu cả những lời anh. Nhưng mỗi lần có sự gì buồn bực, chán nản hay tức giận, anh nói to những ý tưởng của anh cho Thi nghe, Thi lại gù gù liếm tay anh, như kiêu nói rằng: «Thôi, đừng tâm làm quái gì những cái vật ấy, ôm ta vào lòng đi!» Thế là Lương lại mỉm cười và bảo: «Thi nghĩ phải!».

Anh quý Thi mà không sợ ai chế riếu. Những người biết cái nhược điểm của anh đối với con mèo, thường buông lời đùa cợt, nhưng anh không giận. Hơn nữa, có ai đến chơi nhìn cái gác anh ở trông trải quá, hỏi anh đợi chi mà chưa lấy vợ, Lương chỉ cười với một giọng tự đắc:

— Không cần, tôi đã có Thi!

Rồi anh gọi Thi ra giới thiệu:

— Thi của tôi đó!

Anh để cái kiêu ngạo làm chủ trong hai tiếng «của tôi» ấy. Thi sấn đến gần và quẩn lấy chân anh. Lương vuốt lưng nó khoe rằng:

— Nó mến tôi lắm. Nó không bỏ tôi mà đi bao giờ. Ít ra nó cũng hơn người vợ được cái nết có nghĩa.

Rồi anh cười to, khoai chỉ vì câu châm biếm bằng quơ ấy, tuy thật ra anh không nuôi trong lòng một sự thù ghét gì đối với đàn bà, vì lẽ rất giản dị rằng anh chưa có người yêu. Anh chưa có người yêu, mặc dầu anh đã hai mươi sáu tuổi. Không phải anh sợ ái tình, hay anh là người vô duyên hẳn đâu — vì tự ngắm mình trong gương, anh tưởng mặt anh cũng không đến nỗi khiến đàn bà bỏ chạy như tiên nữ trông thấy dưới vơi — nhưng thực ra thì chỉ là Lương rút rắt. Trời ơi, sự rút rắt tai hại nó làm cho Lương chớ nên ngộ nghĩnh! Có khi trái tim anh hồi hộp vì một thiếu nữ, anh nghĩ hẳn hoi rằng: «Ta yêu nàng» đấy, nhưng anh không thề nào có (n) dám nói ra lời. Các bạn thấy chưa? Một anh trai đứng trước một người «xinh như mộng» mà linh Quỳnh tìm chẳng ra câu, bao nhiêu máu trong huyết quản dồn lên cả mặt! Thật đáng thương hại!

Vậy Lương thiếu một ít «trơ», như người ta vẫn nói. Tiếng ấy tuy sỗ sàng, nhưng nghĩa mạnh và rất đúng. Lương biết vậy lắm, nhưng anh không làm chi được.

Trong khi đợi những trường hợp may mắn phi thường đến cứu giúp anh, Lương hãy dành tâm yêu sách vở, yêu cái buồng rộng rãi và yêu con mèo của anh.

(Còn nữa)

Báo Thanh-Nghị

== IN LẠI 14 SỐ ĐẦU ==

đóng lại thành một cuốn sách, dày chừng 350 trang
khổ rộng bằng khổ báo Thanh-Nghị, bìa cứng.

== **GIÁ: 5\$00** ==

== **Bản Dó lựa giá: 15\$00** ==

Những bạn nào định mua bản Dó lựa xin gửi tiền
ngay trong tháng Jun 1943

Chỉ in đủ số gửi cho các bạn đặt mua và trả tiền trước,
Công việc ấn loát đã bắt đầu Xin các bạn đã đặt mua gửi
kịp ngay ngân phiếu về hoặc lại tòa báo trả tiền trước.
Các bạn ở xa nhớ gửi thêm tiền cước phí là 0\$60.

Nhiều bạn đọc yêu cầu báo T.N. in lại tất cả những số cũ đã được đủ bộ từ số đầu đến mấy số gần đây. Xin giải thích chung
rằng chúng tôi xin đề tâm việc đó và SAU KHI IN LẠI 14 SỐ ĐẦU, sẽ có dịp trả tình in lại những số kế tiếp từ 15 đến 25.
Các đại-lý ngài nào định lấy bao nhiêu cũng xin gửi đủ tiền trả trước (cả tiền cước)

LUẬT PHÁP HIỆN HÀNH VÀ SỰ TĂNG GIÁ TRÁI PHÉP

TA NHƯ KHUÊ

Từ khi chiến tranh đột khởi, các hàng hóa nhập-cảng càng ngày càng hiếm, theo luật cung cầu giá trên thị-trường cũng phải càng ngày càng cao lên m. . . Đứng trước tình thế đó chính phủ có quyền đề chỉnh-sách kinh-tế chỉ-huy để cố duy-trì thời-giá cho dân chúng tránh được những sự đau-cơ nguy-hiểm của các nhà sản-xuất và các nhà buôn.

Tại Đông-Pháp, cũng cùng một chính-sách đó, chính-phủ đã lập những Hội-dồng hóa giá để coi chừng thời giá và tra xét các vụ tăng giá trái phép, có đoàn cảnh-sát kinh-tế và các viên kiểm-soát thời-giá trợ lực.

I. — Những trường-hợp tăng giá trái phép.

Cứ theo đạo luật ngày 14 Mars 1942 thì đều bị khép vào tội tăng giá trái phép :

1-) Những kẻ nào không tuân theo luật-lệ qui định sự nhập-cảng xuất-cảng tàng trữ, lưu dụng và mua bán các sản vật cùng là sự công bố giá cả (1).

2-) Những kẻ nào không tuân theo luật-lệ qui định giá xuất sản, giá bán buôn, bán lẻ, giá vận tải.

3-) Những kẻ nào ngổ ỹ bán, hay điều đình bán, hay đồng ý bán quá giá đã định hay đã được chuẩn y, có giao kèo hay không mặc dầu.

4-) Những kẻ nào biết là quá giá mà cứ mua hay ngổ ỹ mua quá giá đã định hay đã được chuẩn y.

5-) Những kẻ nào đã rút bớt lượng hay phẩm những hàng mình bán, đã dùng những bao nhẹ hơn, ngắn hơn hay nhỏ hơn mà vẫn giữ nguyên giá.

6-) Những kẻ nào dùng cách gì mặc dầu đã công bố những tin tức có ý sai lầm về giá cả khi giá cả đó được một nghị-dịnh của chính-

phủ qui-định; hoặc công bố những tin tức gì về tình thế hiện thời hay mai hậu của thị-trường trong xứ hay các thị-trường khác mà có thể làm rối loạn chính-sách bình giá hay cuộc tiếp-tế trong xứ.

7-) Những kẻ nào còn có những sản vật, những vật-liệu hay những thực-phẩm để bán mà không chịu bán cho khách hàng theo số dự trữ của mình, khi khách hàng chỉ hỏi mua số thường lệ.

8-) Những kẻ nào buộc khách hàng phải đồng thời mua những món khác mới bán hoặc buộc khách hàng phải mua một số nhất định mới bán.

9-) Những kẻ nào suốt ngày vẫn mở cửa hàng buôn bán mà riêng có vài món lại chỉ chịu bán có giờ thôi, trừ ra nếu những món đồ phải bán theo một lệ-luật đặc-biệt.

TA NHẬN THẤY RẰNG

1.) Không phải chỉ bán quá giá đã định hay quá giá đã được chuẩn ý mới là phạm vào tội tăng giá trái phép.

2-) Không phải chỉ người bán mà cả người mua hay ngổ ỹ mua quá giá cũng phạm vào tội tăng giá trái phép.

Nhưng du sao, cứ bán quá giá đã định hay đã được chuẩn y là đủ cho tòa kết án.

Người bán không thể vin vào có là mình không được lời lãi gì mấy (Án tòa Phúc-Thẩm Hà-nội ngày 18-5-1940, 2-12-1941) hay là mình chịu bán món hàng chỉ là để chiều một khách quen thôi (Án tòa Phúc-Thẩm Hà-nội ngày 2-12-1941) cũng không được vin vào có là mình sẽ phải mua hàng một giá cao tương đương để đền vào số dự trữ của mình (Án tòa Phúc-Thẩm ngày 13-1-42)

II. — Sự qui-định giá cả

Nghị-dịnh Toàn-quyền ngày 8-5-1942 đã lập ra bốn sổ :

Sổ A gồm những hàng mà giá sản-xuất phải được chức trách chuẩn-y trước khi bán ;

Sổ B -d- mà giá bán có thể tăng trước khi được nhà chức trách chuẩn y ;

Sổ C -d- mà giá cao nhất do Chánh phủ đã qui-định tại nơi sản xuất hay tại nơi bán.

Sổ D dành riêng cho những giá vận-tải, giá khách-sạn, giá sửa chữa xe hơi. . .

A) Về những hàng sổ A, người sản xuất muốn bán theo giá nào phải gửi đơn xin trước với Hội-dồng Hóa giá, được nghị-dịnh chuẩn y mới được bán. Có hàng (như rượu, xi-măng, chỉ diêm....) phải gửi đơn cho Hội-dồng hóa-giá. trung-ương tại Hà-nội và do nghị-dịnh Toàn-quyền định giá; có hàng (như nước mắm, vải sà phòng....) phải gửi đơn cho Hội-dồng hóa-giá hàng xứ và do vị Thủ Hiến (1) trong xứ định giá. Trong sổ đã kê rõ ràng hàng nào phải gửi đơn cho Hội-dồng nào.

Đơn phải đính theo những giấy má sau này :

1-) Tờ kê rõ ràng tỉ mỉ những tiền số phí tính vào giá sản xuất (2) (kèm những giấy chứng nhận); nếu xin tăng giá thì nhắc lại cả tờ kê trong kỳ xin chuẩn y giá bán trước.

(1) vị thủ-hiến tức là ông Thông-sứ hay Thống đốc.

(2) Giá sản-xuất gồm giá bán tại nhà máy với những số phí sau này: tiền dài tải; tiền hoa hồng cho những trung gian nhiều lắm là 4%; tiền bảo kê; tiền kiểm soát hàng trước khi được đem ra bán.

Giá hàng ngoại-quốc tính như sau này :

a. — nếu giá hàng tính tới lúc cập bến Đông-Pháp, thì phải thêm những số phí sau này thôi: tiền rời hàng, tiền dỡ kho, tiền vận tải từ bến về hàng, tiền đoan và tiền thuê lật vật, tiền bảo-kê tại Đông-Pháp.

b. — nếu giá hàng tính tới lúc mang xuống tàu thì phải tính thêm những tiền tàu, tiền bảo kê, tiền hoa hồng cho những trung gian.

Giá bán buôn gồm giá tính trên và thêm mức tăng theo sổ giá bán lẻ gồm giá buôn, tiền vận-tải và mức tăng theo sổ B

2) tờ khai số nguyên-liệu và số sản phẩm hiện trữ khi gửi đơn.

3) Nếu sau ngày công bố nghị-dịnh (12-5-1943) mà đổi nghề, thì phải g i cả giấy chứng nhận mình làm nghề gì (đơn xin mở cửa hàng mở nhà may; môn bài....)

Không đủ giấy tờ sẽ bị bác đơn. Nếu sơ chuyên môn khám các sản vật xét rằng sản vật của mình không thể cho dân cư n g dùng được, đơn cũng bị bác.

B) Về những hàng sổ B, người bán buôn được quyền tăng giá bán trước khi giá do được nhà chức trách chuẩn y, người bán lẻ và những nhà buôn trung gian cũng có thể đồng thời tăng giá lên. Nhưng phải theo những điều kiện sau này:

1-) Người bán buôn hay bán lẻ (1) không được tăng quá số ma chính phủ đã định trong sổ, tùy theo thứ hàng Sổ B ghi nhưng mức tăng cao nhất không thể quá được. Ban buôn có hàng có thể tăng tới 40% (đồ phụ tùng xe hơi để thay đổi) Ban lẻ có hàng có thể tăng tới 72% (thuộc dùng những chất nội-hóa) Cũng một hàng, giá bán buôn không tăng cùng một mức với giá bán lẻ. Ví dụ chè nội-hóa, giá bán buôn chỉ có thể tăng 10% nhưng giá bán lẻ có thể tăng tới 20%. Trai lại đương ngoại quốc giá bán buôn có thể tăng tới 15% nhưng giá bán lẻ chỉ có thể tăng 10%.

2-) Ba ngày trước khi bán theo giá mới, người bán buôn phải gửi đơn ra Hội-dồng hóa giá; thứ hàng nào phải gửi ra Hội-dồng xét thư hàng ấy theo như sổ A. Lại phải kê rõ ràng giá mua cùng các số phí tính vào giá mua, phải khai so hàng hiện trữ và số hàng mới sẽ bán theo giá xin tăng, mua những hàng đó của ai.... Nếu Hội-dồng gửi giấy cho biết là giá xin tăng nhiều quá, thì nhà buôn phải ngưng bán hoặc phải hạ xuống tới giá của Hội-dồng cho; du sao

(1) Người bán buôn là người mua thẳng của nhà sản xuất hoặc mua thẳng tại ngoại quốc để bán lại. Người bán lẻ là người bán thẳng đó cho người tiêu thụ.

(1) Những nhà sản-xuất và những nhà buôn, khi bán hàng cho nhau phải giao đơn hàng; người tiêu-thụ nếu mua quá 10% có quyền đòi đơn hàng. Không chịu giao đơn hàng cũng phạm vào tội tăng giá trái phép.

lại phải trả lại số tiền dư cho người đã mua quá giá đó.

3-) Nhưng nhà buôn trung-gian không có quyền ăn lời quá đáng, khiến giá bán lẻ tăng quá mức đã định và khiến người bán lẻ phải mất lời quá nửa. Ví dụ: đồ vải nội hóa, nếu giá sản xuất là 100, mức tăng giá bán buôn là 10*l*. mức tăng giá bán lẻ là 15*l*. . Nếu không có những nhà buôn trung-gian thì giá bán buôn là 110 và giá bán lẻ là $110 + 15 \cdot l. = 126,55$ (5) Nếu có những nhà buôn trung - gian, người bán lẻ có quyền không mua ngoài cái giá $110 + 7,5 \cdot l. = 118,25$. Những nhà buôn trung gian chỉ được lời 7,5*l*. là cùng.

C) *Những hàng số C* gồm những đồ nhậ dụng những hàng nội - hóa rẻ tiền (thực phẩm, tre, vôi, gạch ngói nội hóa, củi than...) Nếu là những đồ bán rất chạy và bán ra ngoài địa phận một tỉnh thời giá sản xuất sẽ do vị Thủ hiến trong xứ qui-dịnh; nếu là những đồ chỉ bán nội trong địa-phận một tỉnh thời giá bán sẽ do viên chủ tỉnh hay Đốc-lý qui định

D) *Theo số D* thì những giá vận tải những tàu đi dọc bờ biển đường Saigon-Haiphong, Saigon Poulo Condore, Saigon với vịnh Siam, Haiphong — Bến-thủy và Haiphong — Ford-Bayad sẽ do nghị-dịnh Toàn-quyền chuẩn-y theo đơn xin; ngoài ra đều do vị Thủ Hiến trong xứ, mà người chuyên trở trụ cư chuẩn y; giá vận tải những xe bò, xe hai bánh, ghe thuyền trong tỉnh hay trong thành phố đều do viên chủ tỉnh hay viên Đốc-lý quyết định hay chuẩn-y theo đơn xin.

Những giá buồng, giá cơm trọ ở nơi nghỉ mát thì do vị Thủ - hiến trong xứ quyết định, ngoài ra thì đều do viên Chủ tỉnh hay viên Đốc lý quyết định hay chuẩn-y theo đơn xin.

Những giá sửa chữa xe hơi, xe hai bánh đều do vị Thủ-hiến trong xứ chuẩn y theo đơn xin

Những điều nên chú ý

1-) Trừ ra khi định giá sản xuất các nông sản hay lâm sản, nhà chức - trách phải hỏi ý-kiến của Hội đồng hoa gia.

2-) Giá sản xuất các nông sản hay lâm sản mà nhà nước giữ độc-quyền thời do nghị-dịnh Toàn-quyền quyết định; nếu nhà nước không giữ độc quyền thời vị Thủ hiến trong xứ có thể

(5) Đây không tính những số phí ngoài (như tiền vận tải hàng hạn)

quyết định được, nhưng phải được nghị định Toàn quyền chuẩn y.

3-) Có những hàng theo một qui-tắc đặc biệt như dầu thảo mộc để chạy máy, gang, gạo.

4-) Những hàng mà trong khắp Đông Pháp hoặc trong khắp một xứ của Đông Pháp đều bán cùng một giá, có thể gửi đơn xin chuẩn-y giá bán bất cứ lúc nào từ lúc khỏi tay nhà sản xuất cho tới tay nhà tiêu thụ.

III. — Tăng giá trái phép, phải xử thế nào ?

Như trên đã nói, chính phủ đã lập ra ngạch kiểm-soát thời giá và Đoàn cảnh sát kinh - tế. *Những viên kiểm-soát thời giá thì chuyên khám xét những vụ tăng giá trái phép.* — Còn Đoàn cảnh-sát kinh - tế thì chuyên khám xét những vụ tích trữ đầu cơ, những vụ mưu hại sự tiếp tế trong xứ. Tuy vậy những viên này có thể thế cho những viên kiểm - soát thời giá mà khám xét những vụ tăng giá.

Khi khám phá ra được một vụ tăng giá trái phép họ lập biên-bản gửi cho Hội-đồng hóa giá thành phố hàng tỉnh. Hội-đồng hóa giá hàng xứ có một ủy ban chuyên - môn xét các vụ này. Hội đồng sẽ chuyển lên vị Thủ-hiến trong xứ tờ biên-bản kèm những ý kiến của ủy-ban. Vị Thủ hiến sẽ tùy trường hợp giao nội vụ cho tòa án xét xử. Nếu ủy-ban ngờ ý phải đưa cáo phạm ra tòa Đại-hình đặc biệt thời hồ sơ phải do vị Thủ hiến đệ lên quan Toàn-quyền. Còn Hội đồng hóa giá thành phố hay hàng xứ nếu xét đủ cơ buộc tội, có thể đưa thẳng nội vụ ra tòa.

Trong khi đợi tòa xét xử vị Thủ-hiến trong xứ có thể ra lệnh buộc cáo phạm phải đóng cửa hàng hay nhà máy, hoặc phải giải nghệ trong một thời hạn nhất định, nhưng lâu lắm là đến ngày tòa lên án chung thẩm thôi. Trái lệnh đó có thể bị phạt tù từ hai tháng đến hai năm và bị phạt bạc từ 200Fr đến 1.200.00Fr (60\$ đến 360.000\$) Nghị-dịnh buộc đóng cửa sẽ đăng báo và dán ở cửa hàng, cửa nhà máy, cửa nhà cáo phạm. Bóc, hay che giấu, hay xé những tờ dán đó phải tù từ 6 ngày đến 15 ngày và phải dán lại.

Còn tòa có thể lên án phạt tù từ 2 tháng đến 2 năm và phạt bạc từ 200Fr đến 1.200.000Fr— (60\$ đến 360.000\$) Nếu chống lại với nhà chức trách, chửi rủa hay đánh lộn thì phải phạt tù từ một tháng đến 3 năm, phạt bạc từ 200Fr đến 12.00Fr (60\$ đến 3600\$).

Dù tòa chưa lên án chung thẩm hay chỉ bị trừng phạt về mặt cai trị (phải đóng cửa hay giải nghệ do lệnh của vị Thủ-hiến trong xứ) hay đã được phép điều - đình, nếu trong vòng một năm mà tái phạm, tòa có thể tăng án gấp đôi.

Ngoài ra tòa còn có thể buộc tội-nhân phải giải nghệ tạm thời hoặc giải nghệ hẳn; trong thời kỳ đó, dù cửa hàng hoặc nhà máy đã bán cho thuê hay giao cho người khác trông nom, tội-nhân cũng không được giữ một công việc gì trong cửa hàng hay nhà máy mình nữa; cũng không được nhận một công việc gì trong cửa hàng hay nhà máy do vợ hay chồng mình đứng trông nom. T.ái án của tòa sẽ bị phạt tù từ 2 tháng đến 2 năm và phạt bạc từ 6000Fr đến 60.000Fr (1.000\$ đến 18.000\$).

Nếu phải nghỉ việc quá hai năm tòa ra lệnh bán cửa hàng hay nhà máy của tội-nhân.

Toà lại có thể buộc đăng bản án lên báo và dán bắt cứ ở đâu; bóc hay che giấu hay xé phải tù từ 6 đến 15 ngày.

Sau hết, không nên quên rằng toà Đại-hình đặc-biệt do đạo luật ngày 23-6-1941 lập ra có thể phạt tới tử hình; án của toà đó lại không được xin phúc lại và nội trong 24 giờ phải thi hành ngay. Tội-nhân không được hưởng án treo.

Ta nhận thấy rằng sự trừng phạt rất nghiêm ngặt:

1-) án phạt bạc không dưới 200Fr (60\$) mà có thể lên tới 1.200.000Fr (360.000\$). Tội nhân phải phạt bạc không được hưởng án treo, phải trả tiền phạt

2-) tòa có quyền buộc tội-nhân phải giải nghệ.

3-) trong những vụ đệ lên tòa đại hình đặc-biệt, tội-nhân có thể bị kết án tử-hình.

4-) những hàng tăng giá, trái phép bị tịch biên.

Trái lại luật cho phép cáo phạm được điều đình khỏi phải bị đưa ra toà. Vị Thủ-hiến trong xứ sẽ thể ý-kiến của viên chủ-tịch Hội-đồng hóa giá hàng xứ mà cho điều-đình. Thường điều đình là phải nộp một số tiền nhiều hay ít tùy theo số tiền cáo-phạm có thể bị toà phạt

Nếu là những vụ đặc-biệt hay là nếu số tiền sẽ phải nộp tính cả giá hàng bị tịch-biên quá 50.000\$, vị Thủ-hiến phải hỏi ý-kiến của vị Giám đốc sở Kinh-tế. Nếu số tiền đó không quá 500\$ viên chủ-tịch Hội-đồng hóa giá có thể nhân danh vị Thủ-hiến mà điều-đình với cáo-phạm. Dưới 200\$ viên chủ-tịch Hội đồng hóa giá thành-phố hay hàng lính cũng có quyền điều đình. Những

cuộc điều đình của các viên ấy phải được vị Thủ-hiến duyệt-y.

Ta thấy rõ rằng nhà chức trách quyết trừng trị cho được những bọn đầu cơ nhón nhỏ mọc ra như nấm từ hồi khởi chiến tranh.

Tiếc rằng ta không lập được những hội « hợp-tác-xã tiêu-thụ » không lồ gồm phần đông dân chúng để loại những bọn trung-gian và dứt hẳn nạn đầu-cơ.

Dù sao ta có thể nhận thấy rằng:

1- có hai khoản luật mới làm rung động làng đầu-cơ là: người tăng giá trái phép có thể bị buộc giải-nghệ; người tăng giá trái phép có thể bị kết án tử hình Ngoài ra, về tiền bạc ít khi họ giới ý đến. Vì đối với họ, sự đầu cơ chẳng qua như sự đánh bạc, may thì giàu, không may thì lại nghèo như cũ; mà nhà buôn thì đã từng quen với sự thăng trầm rồi. Và lại ta không nên quên rằng phần đông những bọn đầu-cơ là khách-trú, nhất là ở Nam-kỳ; những sự cần dùng của họ rất ít; họ có đủ gan dạ làm giàu bằng mọi khốe.

2- sự chiến-tranh đã khiến những hàng càng ngày càng hiếm, trong lúc số dân lại càng ngày càng đông, nhất là ở những tỉnh lớn.

TẠ NHƯ KHUÊ

PÉDOCA

vinaigre-cornichon

EN VENTE:

dans tous les grands
magasins d'alimentation

HANOI

N° 136, Boulevard A. Rousseau

Téléphone : 1663

(tiếp theo)

VIII

TÌNH hình làng Mũi dần dần đã êm, đầm giữ lại. Theo những tin đồn gần đây, người ta biết rằng: tiếng là đảng cách mạng đã vào tỉnh nhưng quy mô cũng chả có gì khác xưa. Quan lớn huyện vẫn là nguyên quan, chẳng qua là bây giờ gọi

là quan gì gì ấy... mà cụ Cử cũng làm quan đến chức gì gì ấy.. Bấy nhiêu quan tước mới, làng Mũi chả ai hiểu. Còn chức lãnh binh, thời cũng vẫn là ông lãnh ngày trước. Duy có một sự tình đáng sợ, là có một vài tay ghê rợn xen vào trong đảng quấy rối. Ngay hôm sau là chúng nó rủ nhau giăng cánh đi cắt đuôi sam! Nghe đâu lão Thất Cân, trên làng trên, đã bị chúng cạo thành thử ngày nay làm cho cai đầu trọc thóc lóc như một lão nhà chùa

Không thanh hình người nữa — Tuy nhiên việc ấy cũng chả có gì là đáng sợ. Số là dân làng Mũi cũng chả mấy khi lên tỉnh. Mà dầu có công việc lên tỉnh thì họ cũng tìm cách «thoát thân» được. Tức như Á Q, lâu nay vẫn có ý lên tỉnh thăm một người quen, mà sau lúc được tin này thì va cũng đành bỏ hẳn cuộc du lịch.

Tiếng thế nhưng ở làng Mũi cũng có thay đổi chút đỉnh. Nghĩa là mấy hôm sau thì dần dần số người đem đuôi sam cuốn vòng quanh lên chớp đầu cũng một ngày một thêm nhiều. Như trên kia đã nói: người đầu tiên đã thi hành thủ đoạn này là thầy Tu Triệu. Kế theo là hai chú Triệu Bạch Nhãn và Triệu Tư Thành. Sau nữa là Á Q. Trước kia, cứ đến mùa hè, thì ở làng Mũi người ta vẫn đem cái đuôi sam quấn ngược lên chớp đầu hoặc là kết lại một búi to đằng sau. Giời nóng nực, thì cũng là một cái «mốt» rất thông thường. Nhưng bây giờ đã hết hè rồi. Vậy cái phương pháp «thu hành hạ lĩnh» (đem «mốt» mùa hè ứng dụng vào mùa thu) đem ra vận dụng vào chính sách đuôi sam, kẻ cũng là một chính kiến rất là cao minh... Mà cũng vì vậy nên những người chủ trì rằng ở làng Mũi chưa có gì là cải cách cũng đều là những kẻ noi càn vậy.

Bác Triệu tư thần làm cho một tảng gáy trống thong lũng bồng ở đầu đường kia chạy tới.... Bọn người làng nhìn thấy la ò lên:

Oà! đảng cách mạng đã tới kia kia!...

Nghe câu la ré đó, Á Q rất phục cái gáy Triệu Tư Thành. Va vẫn đã nghe tuyên bố cái chính sách đuôi sam mới, do thầy Tú phát minh ra, nhưng



va không nghĩ rằng những người như va cũng có thể thi hành được. Bây giờ thấy Triệu Tư Thành làm như vậy va mới nghĩ đến sự bất chước và quyết chí thực hành. Va sẽ bẻ một chiếc đũa đem cái đuôi sam gióc ngược lên trên chớp đầu, ngăn ngừa hồi lâu... rồi mới yên tâm bước chân ra đi...

Thế mà trên con đường làng lúc người ta thấy Á Q đi qua với cái đuôi sam quấn ngược lên cũng chả ai hò la gì. Lúc đầu Á Q còn buồn buồn, sau lại hóa ra phát cáu hẳn lên. Gần đây va bỗng dưng hay phát bẳn. Thế nhưng tình hình sinh hoạt hàng ngày của va lâu nay có vẻ dễ dàng hơn.

...chút đỉnh. Người ta đối với va cũng có vẻ lễ mào hơn ngày trước. Lão chủ quầy lại vui lòng bán chịu nữa. Thế mà tự mình va, va lại lấy làm bức bối. Đã «cách» cái «mạng» rồi mà chỉ có thể thôi ư? Nhất là gần đây, vừa gặp thằng cu D, va lại càng lộn ruột.

Thì cái thằng cu D cũng đem cái đuôi sam quấn ngược lên! Hơn nữa: nó cũng nghiêm nhiên dùng một đoạn đũa y như Á Q vậy! Á Q không hề nghĩ đến sự thẳng cu D cũng làm y như va được! Va quyết chí không cho phép thằng cu D loán lổng như vậy!... Thằng cu D là thứ gì? Va đã tính tóm lấy chớp đầu thằng bé, bẻ cho gãy tan cái đũa trên đầu nó đi, bỏ sả ngay cái đuôi sam xuống và tát vào mặt nó mấy bạt tai, để trừng trị cái tội không biết thân phận mà dám táo gan cũng đi vào đảng cách mạng như Á Q. Tuy vậy rút cục Á Q cũng tha cho nó đi, chỉ lờm nó bằng một cặp mắt dữ tợn rồi nhổ tóa ra một bãi nước bọt nghe đánh «oà oà» lên một tiếng mà thôi.

Trong mấy ngày ấy, chỉ có lão tây giả là người hay lên tỉnh. Cậu Tú Triệu vẫn có ý nhấn câu chuyện gọi hòm hòm trước để đi bái yết cụ Cử một phen, nhưng chỉ vì dọc đường còn có cái nguy «chặt đuôi sam» bức thư theo thể cách «Lọng vàng» (1) gửi ngay chú tây giả mang lên tỉnh và nhờ giới thiệu mình cùng cụ Cử cho cận thận, đề cụ nhận mình vào đảng «Tchữ-ju» (Tự do). Lên tỉnh về, bác tây giả đòi ngay bốn đồng bạc rồi đưa cho thầy Tú một cái thẻ bạc hình quả đào, đeo vào áo dài. Làng Mũi trông thấy càng lấy làm kính phục bảo nhau: đấy là dấu hiệu đảng «Tứ-ju» (Thị-du)

(1) Nghĩa là lời văn trịnh trọng.

(1). Người đeo túi ấy, ngang hàng với các quan hân. Từ hôm ấy cụ Tú lại càng oai-vệ, to lớn hơn lúc cậu con vừa đỗ Tú nữa kia. Bấy giờ cụ thiệt là «mục hạ vô nhân». Gặp Á Q cụ cũng chẳng thêm đề ý đến.

Á Q lâu nay, vẫn bất bình nhiều, dĩ, thường thường vẫn cảm thấy thân thể ra chiều hơi quanh va chưa hiểu vì lẽ gì.

Nhưng chỉ một câu chuyện thể bạc hình quả đào này đã đủ làm cho va biết ngay vì sao mà địa vị va trong xã hội làng Mũi lâu nay chưa được vẻ vang, thì ra làm cách mạng mà chỉ tuyên bố rằng mình «đầu hàng» là chưa đủ; chỉ quần cái đuôi sam lên cũng chưa đủ. Trước hết, phải làm quen với bọn cách mạng. Sinh bình, Á Q chỉ quen biết có hai người trong bọn đó. Một người ở trên tỉnh, thì độ nọ đã bị chém đầu đánh s... sật rồi!... Bây giờ chỉ còn chú Tây già nữa thôi. Á Q nghĩ lại nhất định phải lên bàn bạc với chú Tây già.

Cái cửa ngăn họ Tiền mở rộng toang. Á Q rón rén bước lần vào. Vừa vào trong nhà, Á Q đã hết hồn hết vía. Giữa đàn bầu, va thấy lão tây già đứng, mình bận bộ áo đen, — in tuồng âu phục, — trước ngực cũng có một tấm thẻ bạc hình quả đào. tay cầm cái ba toong mà độ nọ Á Q đã được lần giáo, trên vai một đoạn đuôi sam để đã giải được non thước, buông sả xuống, y như cụ Lưu Hải Tiên đầu bù tóc xòa trong các lán tuồng cò. Trước mặt, Triệu Bạch Nhân và ba người lạ mặt đứng im phăng phắc, kinh cầu nghe ông tây già nói.

Á Q bước khe khẽ đi vào, nép ngay vào sau lưng Triệu Bạch Nhân Trong bụng muốn gọi lên một tiếng nhưng chẳng biết gọi thế nào cho tiện. Gọi là «Tây già» thì quyết không được. Gọi là «Tây» cũng không xuôi; mà gọi là «đảng cách mạng» thì ngó bộ cũng chẳng gọn, hay là gọi là «ông tây» vậy?

Thế nhưng «ông tây» vẫn không thấy va. Số là ông còn đương trợn trắng mắt lên giảng giải rất là hùng hồn ông nói: «Chả là tôi thì tôi nó g tính. Cho nên vừa gặp nhau là tôi bảo: Anh Hồng! (2) «Ta làm ngay đi thôi». Nhưng anh Hồng lại nói «No». No là tiếng Anh, các bác chẳng hiểu đâu. Nếu không thì đã thành công rồi! Tuy vậy xem đó cũng đủ biết là anh Hồng làm việc cần thận đến chừng nào... Anh ấy đã mấy lần cố mời cho được tôi lên Hồ Bắc. Tôi còn chưa chịu đi. Làm việc trong một địa phương nhỏ bé thế này, ngó bộ chán lắm kia...»

«Ủa!... cái này!...

(1) Tiếng quan thoại, chữ tự do đảng (đảng tự do) cũng chữ Thị du đảng (đảng ép đầu hạt, thị) đọc giống nhau. Vì vậy mà làng Mũi vẫn tưởng đảng Tự do cũng là một loại buồn tầu!

(2) Nên nhớ địa vị Lê nguyên Hồng trong cuộc cách mạng Tàu.

Á Q đánh bạo thốt ra được mấy tiếng trong lúc «lão tây già» vừa ngừng miệng Nhưng không hiểu vì sao lại không gọi là «Ông Tây».

Bốn người thỉnh giả nghe thấy đều giật mình Ông Tây vừa nhìn thấy Á Q:

— «Cái gì?

— Tôi...

— Ra ngay!...

— Tôi định đầu hàng...

— Cút lập tức!...

Thế rồi «ông tây» giương cái gậy «đại tang» lên. Cả Triệu Bạch Nhân và mấy lão kia cũng mắng om sòm:

— «Ngài bảo mày ra, mà không nghe hay sao?

Vô ý thức, Á Q đem hai bàn tay che lấy đầu rồi chuẩn thẳng.

May một cái là ông tây cũng không đuổi theo. Á Q chạy rất nhanh khoảng độ năm sáu mươi bước, rồi mới chậm chậm đi về.

Lúc bấy giờ lòng Á Q bẽ bàng lại âu sầu.
... là hết!... Va biết đi đường nào bây giờ? Từ nay còn mong gì có người mũ bạch, áo giáp bạch đến gọi mình? Bao nhiêu hoài bão, bao nhiêu hy vọng, bao nhiêu chí hướng và tiền đồ, thế là tan nát sạch! Ấy là chưa kể đến bao nhiêu nỗi nhục nhẽ sẽ trút vào đầu va, sau lúc lũ hiếu sự chúng sẽ đem câu chuyện này mà đồn rôn lên để cho tụi Vương Hồ, cu D có dịp mà cười cợt!

Tuồng như xưa nay, Á Q chưa hề bao giờ biết những nỗi chán chường như hôm nay; cho đến cả cái đuôi sam cuốn vòng quanh trên đầu hôm nay va cũng cho là một vật vô nghĩa, đáng khinh bỉ hết sức. Va muốn đem mà buông thả nó xuống cho bỏ ghét. Nhưng nghĩ vậy rồi cũng thôi, va không buông xuống. Va đi rảo mãi đến khuya, uống luôn hai bát rượu cho ấm bụng. Đoạn tỉnh thần va nghe sung sướng hẳn lên. Tâm hồn lại cứ mơ tưởng những mảnh mũ bạch, áo giáp bạch....

Một ngày kia Á Q theo lệ thường đi rảo mãi đến khuya. Lúc các quán rượu đã đóng hết cửa, va mới về đến thổ cốc.

NHÀ SÁCH

NGUYỄN KHÁNH ĐÀM

Số 12, phố Sabourin, Saigon

NHẬN ĐÓNG SÁCH

**ĐỦ CÁC KIỂU ĐẸP VÀ
TRANG NHẢ**

Lệ! lệt! dùng!

Mấy tiếng âm nghe rất lạ tai, giống pháo mà không phải pháo. Tinh thần ồn ào và xem nhăm, Á Q liền tò mò ra xem. Đứng trước mặt nghe mơ màng có chân người bước tới. Á Q lắng tai nghe, bỗng thấy có người chạy từ đằng kia chạy lại. Chợt trông thấy, Á Q cũng theo bóng người ấy chạy nốt. Người ấy chạy quanh, Á Q cũng quàng theo. Sau lúc đã quàng đầu đường, người ấy sẽ dừng lại. Á Q cũng dừng. Á Q nhìn lại đằng sau, không thấy ai. Còn người kia thì ra chính thằng D, Á Q phát bắn:

— Cái gì?

— Nhà... nhà cụ Tr... Triệu, mất cướp — Cu D vừa giả lời vừa thở hồng hộc.

Quả tim Á Q cũng thôi thóp dồn ngược. Nói cạn lời là Q D lại chạy. Á Q cũng chạy theo, nhưng còn có thì giờ để lại mất lần. Dầu thế nào thì Á Q cũng đã quen nghề, cho nên va già gan hơn cu D. Va sẽ chạy ra đầu góc đường, ngóng rất kỹ. Va thấy hình như vô số là bọn người, đôi mũ trắng, mặc áo giáp trắng, lấp lóp chui vào những rương hòm, đồ đạc, từ trong nhà chui ra. Cái gương Hồng Kông của mợ Tú hình như cũng chui ra đấy rồi! Không rõ cho lắm. Va có ý đi lại gần, nhưng không tài gì cất nổi hai cái giò mà bước tới.

Đêm hôm ấy không có giăng, trong bóng tối như mực, cảnh làng Mũi ằm đêm lặng lẽ như những ngày thịnh trị đời Hy Hoàng. Á Q đứng nhìn, nhìn đã phát chán những bao giờ mà vẫn thấy chúng nó ra ra, vào vào, khiêng hoai, khiêng mồi. Hết khiêng rương, rồi lại khiêng đồ vật, hết khiêng đồ vật lại khiêng cái giường Hồng Kông của mợ Tú.... Khiêng, chúng nó khiêng cho Á Q quáng cả quàng con mắt! Nhưng va vẫn không bước tới, rút cuộc va lại cứ bước về đến Thổ cốc của va.

Giờ này, đèn Thổ cốc lại tối đen như mực. Va ngã người xuống làm một giấc khá giải, rồi mới tỉnh giấc. Va sẽ nghĩ đến cuộc đời của va. Rõ ràng bọn mũ trắng, áo giáp trắng đến đó, thế mà không thèm gọi mình. Chúng nó khua vác bấy nhiêu đồ cũng chả có phần mình!

I Nếu không thì lẽ nào mà chả có phần tôi? Á Q càng nghĩ càng tức điên ruột lên, va sẽ gặt đầu nói một cách đáng cay: «Ừ! được! không cho tao làm giấc! chỉ có một mình mày làm giấc!... Mày cái thằng tây giả này!... Được! Mày làm giấc! Làm giấc là tội chết chém!... Tao viết ngay một tờ phát giác, để người ta bắt cớ mày, đem về huyện chặt đầu — tru gi tam tộc — mày nghe chưa? S... Sặt!.. S...Sặt!..»

(còn nữa)

ĐẶNG THÁI MAI

RUDYAR ĐÔNG VÀ TÂY TH

I

Những sự gặp gỡ
trong văn-chương.

«ĐÔNG-PHƯƠNG là Đông-phương, Tây-phương là Tây-phương, vạn cổ không bao giờ gặp nhau được». Nhời nói quả quyết của nhà đại văn hào nước Anh đó có hề không được đúng lắm chăng? Trong những bài trước (1), tôi đã lần lượt bày tỏ rằng Đông, Tây thật đã nhiều khi gặp nhau trong ngôn ngữ và văn chương, chứ không phải chỉ gặp nhau trên một chiếc trường-kỷ (qua dĩa như nhời Maurice Dekobra đã nói khỏi hai độ nào). Ta nhận thấy rằng người Pháp và người Nam trong lúc tìm cách diễn đạt tư tưởng cho mạnh mẽ, hay làm bóng bẩy câu văn, đã cùng nhờ đến những phương pháp như nhau: các lối tỉ lệ, ám tỉ, thậm xưng, ngoa ngữ, đối ngẫu, hay nhân cách hóa, đều luôn luôn thấy trong các tác phẩm của nhà văn hai xứ. Họ dùng cùng một phương pháp để tạo nên «hình ảnh», hay để tìm lấy nhạc điệu trong thơ, họ lại cùng tẩy lối «bổn chữ» làm một cách tiêu khiển tạo nhã bằng văn-chương. Cả đến văn hải hước, sự gặp gỡ ấy cũng thấy rất rõ rệt. Còn biết bao nhiêu bằng chứng khác nữa: như cách nói «bổ lửng» (réticence) của người Pháp, ta cũng thấy ở trong lối thơ tiết hạ của ta. Và các lối khác, như «lược văn pháp» (ellipse), «uẩn khúc ngữ pháp» (euphemisme), lối «dụng điển» (allusions littéraires ou historiques), lối «hoán dụ» (métonymie), phép «hô hô» (apostrophe), phép «giả tá» (catachrèse), lối «chuyển nghĩa» (Synecdoque) đều rất thông dụng trong ngôn ngữ và văn chương Việt Nam.

Ta có thể nêu ra bao nhiêu tỉ dụ khác nữa để chứng thực cho sự gặp gỡ ấy: như người Pháp có lối «huitains», thì ta cũng có lối «bát cú», và lối «quatrain» chính là lối «tứ tuyệt» của ta và của Trung Hoa. Những nhà thơ mới bây giờ bắt chước người Pháp dùng lối «gián đoạn» (enjambement) chắc không ngờ đâu rằng xưa kia cụ Nguyễn Du cũng đã biết cách đặt câu như thế. Tác giả «Mai đình mộng ký» đã viết:

(1) Xem Thanh-ngự từ số 15 juin 1942.

D KIPLING MHẨM: ẬT RA ĐÁ NHIỀU LẦN GẶP NHAU

VŨ BỘI LIÊU

Duyên tề-ngộ, hội công danh

Là hai, với nghĩa chung tình là ba.

Và trong Kiều cũng có câu:

Rằng như quả có thể thì

Trăng-hoa, nhưng cũng thị phi biết điều.

Hay như trong câu này của Tôn thò Tào:

Ngó lại đầu xanh thương những kẻ

Trầm luân, chưa khỏi kiếp hồng nhan.

Trong thơ Pháp có lối «tiếng vang» (Echo), gọi thế vì tiếng cuối cùng một vài câu đem lặp lại làm câu sau, và như vậy câu sau ấy chỉ có độc một chữ phẳng phất như trong lối thơ yết hậu của ta:

On voit des commis

Mis

Comme des princes

Qui sont venus

Nus

De leurs provinces.

Nguyễn khắc Hiếu trong bài «Đời đáng chán» than cho số phận những người «tài hoa, tiết liệt, đài trang» ngày xưa: Nào nàng My Châu bỏ mình trên bờ hồ Nam Hải, bà Phan thị Thuần chết theo chồng ở giếng sông Thúy Ái, nàng Tây Thi chôn mình trong làn sóng Tiền Đường, Ngu cơ chết ở bến Ô giang, những người đàn bà đã từng nổi danh về tài sắc, hay đã để lại một tấm gương tiết liệt cho muôn đời ấy, bây giờ chẳng qua cũng chỉ là một «giác mơ màng trong vũ trụ». Tác giả «Khởi tình con» trong trường hợp này đã gặp François Volton: nhà thi sĩ Pháp sống về thế kỷ thứ 15 ấy cũng đã một lần tự hỏi những trang quốc sắc hay những vị nữ anh hùng của đời xưa bây giờ còn đâu. Nào là các cô Fiora, Thaïs, danh tiếng lừng lẫy một thời, nào đâu là bà Héloïse, Hoàng hậu Maguerite de Bourgogne «người trắng nõn như bông hoa huệ», nào đâu là nàng Béatrice, và cả vị nữ anh hùng cứu quốc Jeanne d'Arc đã bị người Anh thiêu chết ở Orléans?

Nguyễn khắc Hiếu một lần khác đã gặp cả La-martine và Chateaubriand khi thi sĩ viết:

Gió hời gió, phong trần nay đã chán,

Cánh chim bằng chín vạn những chờ mong.

Nên chăng gió cũng chiều lòng.

Có khác gì nhời gọi gió của tác giả «les Méditations» trong bài thơ bất hủ «L'isolement»:

Emportez-moi comme elles, orageux aquilons!

Sự gặp gỡ ấy lại còn thấy trong văn ngôn Đông Tây. (1) La Fontaine có bài «cô Perrette và liễn sữa» thì ta cũng có bài «ai hồng nghĩ là đồng tiền»: thằng Cu Tỵ xuống ao rửa bát, thấy có cái tai hồng nghĩ là đồng xu, rồi cũng như Perrette đâm ra mơ tưởng viễn vông, mơ màng một tương lai rực rỡ, rồi lại phải trở về với cái hiện tại chán nản của mình. Cả Tỵ, cả mộng khi lần tìm xuống ao cũng như Perrette tỉnh giấc vàng lúc chị chàng nghĩ đến con bò nhầy tung tăng rồi cũng nhảy cồm lên đánh đồ cả liễn sữa.

Chuyện «Con hổ mượn oai hổ» của Giang Nhất dùng để can vua Tuyên Vương nước Sở nào có khác gì chuyện «con lừa đội lột hổ» của Esope? Tô Tần kể chuyện «con chai và con cò» có ngờ đâu rằng ở tận trời Tây xa lắc, La Fontaine cũng có viết bài «con chai và con chuột». Con lang trong văn ngôn của người phương Tây «rút gai cho con lừa» cũng giống như «con chim rút xương cho con sư tử» trong truyện của người phương Đông, và nếu châu Âu có chuyện «Lũ chuột cứu mệnh cho sư tử», thì châu Á cũng có bài «Lũ chuột cứu mệnh cho voi». Còn nhiều bài văn ngôn khác giống nhau như thế nữa.

II

Trong ngôn ngữ

Về phương diện ngôn ngữ, Đông Tây đã gặp nhau một cách rất lạ lùng, nhất là trong những ngôn ngữ Pháp và Nam, nhiều khi giống hệt nhau cả về ý lẫn từ, giống nhau quá đến nỗi có thể tưởng như đã lấy những câu ở tiếng nước nọ đem dịch sang tiếng nước kia vậy.

A. — Tỉ dụ lấy trong tục ngữ, phương ngôn Pháp và Nam (2)

Ngạn ngữ Pháp

Ngạn-ngữ Nam

— L'œil du maître engraisse le cheval (chủ có để mắt tới, thì ngựa mới béo tốt được).

Chủ ở nhà, lợn gà no bụng.

(1) Xem «Đông tây văn ngôn» của Nguyễn-quang-Đánh.
(2) Ông Cầm Qua Hồ Phủ trong quyển «La sagesse populaire de France et d'Annam» đã tìm được 300 câu ngạn ngữ Pháp và Nam giống hệt nhau như thế.

RUDYARD KIPLING NHÃM: DÔNG VÀ T

— Le plus riche en mourant n'emporte qu'un linceul (Giàu có đến đâu, chết đi cũng chỉ mang theo được đồ khâm liệm)	Vua Ngô bầm sáu tàn vàng, chết xuống âm phủ không mang được gì. Chín đụn mười trâu, chết cũng hai tay cắp đi	— Il n'y a pas de fumée sans feu (Không có lửa thì không khi nào có khói) — Plus on se découvre, plus on a froid (Mặc áo càng hở nhiều càng lạnh) — Chat échaudé craint l'eau froide (Mèo bị nước bỏng, đến khi thấy nước lạnh cũng sợ) — Qui argente, on lui fait fête (Ai có tiền có của thì được kẻ rước người mời). — On voit la paille dans les yeux des autres, on ne voit pas la poutre qui est dans les siens (Trong mắt người thì cái rơm ta cũng trông rõ, cả trong mắt mình dù có cái sà nhà, mình cũng không thấy)	Thế gian chẳng ít thì nhiều, không đứng ai nữ đặt điều cho ai. Môi hở răng lạnh. Phải tên chim mới sợ làn cây cong (Kiều) Vai mang túi bạc kẻ kẻ, nói quấy nói quá người nghe rầm rầm. Chân mình lấm đất mê mê, còn cầm bó đuốc mà rê chân người Con chó chê khi lấm lông, khi lại chê chó ăn rơm ăn dãi. Lươn ngắn lại chê trạch dài, thồn bơn méo miệng chê trai lệch mõm. Đi xa về gần tha hồ nói khoác. Già néo đứt giây. Sự thật mất lòng. Cha nào con nấy. Của phi nghĩa chẳng giàu đâu. Một câu nhện là chín câu lành Hữu sự tự nhiên hương Khi vui thì vỗ tay vào, đến khi vụn hạn thì nào thấy ai. Làm thinh là tinh đã đẹp
— La langue humaine n'a pas d'os, mais elle casse la poitrine et do. (Lưỡi không có xương mà đập ở được cả ngực, làm gãy cả lưng) — La fête passée, adieu le saint (Lễ xong thì lại kẻ thấy ông thánh) — Tout se fait négligemment là où l'un à l'autre s'attend (Cứ người nọ trông vào người kia là công việc trễ nải) — L'homme marié est un oiseau en cage (trai có vợ như chim trong lồng) — Les loups ne se mangent pas entre eux (chó sói chẳng ăn thịt lẫn nhau) — Qui apprend un métier achète des terrains et des vignes (Học được 1 nghề như đã mua được đất cát và vườn nho) — Coitement passe richesse (Trong lòng thành thời còn hơn giàu có) — Il faut hurler avec les loups (Gặp đoàn chó sói thì phải gào với sói) — La faim chasse le loup du bois (Đói qua, chó sói cũng phải ở trong rừng chui ra) — Mon verre n'est pas grand, mais je bois dans mon verre (Cốc tôi không to, nhưng tôi thích uống bằng cốc của tôi) — Grande fortune, grosse servitude (Giàu sang lắm, phiền lụy càng nhiều)	Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo. Hết chạy, thầy đi đất. Lắm vãi không ai đóng cửa chùa Trai có vợ như dựa dính chân. Hồ không ăn thịt con. Ruộng bẽ bề không bằng nghề trong tay. Thà ăn hạt muối rang, còn hơn ăn vàng mà khóc. Đi với bụi mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy. Bụng đói, đầu gối phải bò. Chồng người sang trọng người yêu, chồng em khổ rách em chiều em thương. Ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn. Càng cao danh vọng, càng dày gian nan.	— A beau mentir, qui vient de loin (đi xa về, tha hồ nói dối) — Pas trop tendue, la corde se rompt (Già néo đứt giây) — La vérité nous pique (Sự thật làm ta méch lòng) — Tel père tel fils (Cha nào con nấy) — Bien mal acquis ne profite jamais (Của phi nghĩa chẳng làm gì) — Qui de tout se tait de tout a paix (việc gì cũng nhện, thì bao giờ cũng được yên ổn, hòa hảo) — A bon vin point d'enseigne (Rượu ngon không cần phải biển rao hàng) — La richesse attire les amis, mais la pauvreté les éloigne (Giàu thì bạn hữu đầy nhà, đến khi nghèo khó chẳng ma nào nhin) — Qui ne dit rien consent (Không nói gì nghĩa là đã bằng lòng rồi)	

ÂY THẬT RA DÃ NHIỀU LẦN GẶP NHAU

— La force prime le droit (Cường-quyền thắng công-lý) — Faute d'un moine, l'abbaye ne chôme pas (Nếu thiếu một thầy tu, nhà tu chẳng đóng cửa nào) — L'homme est feu, la femme est étoupe, le diable vient qui souffle (Đàn ông là lửa, đàn bà là rơm, quỷ đến thổi lửa cháy bùng lên) — Qui vole un œuf, volera un boeuf (Bé ăn cắp trứng, nhớn ăn trộm bò) — Il suffit d'une brebis galeuse pour gâter tout le troupeau (một con chiên ghê đủ làm hỏng cả đàn) Il semble à un larron que tout le monde lui ressemble (Đứa ăn trộm tưởng ai cũng có thói gian tà như mình) — Les gros poissons mangent les petits (Cá lớn ăn cá bé) — Qui aime bien, châtie bien (Yêu lắm mới quở phạt nhiều) — Petites causes, grands effets (việc nhỏ, mà kết quả hóa ra can hệ) — Le chat parti, les souris dansent (Mèo đi khỏi, là chuột nhảy cẫng) — Qui trop choisit prend la pire (Kén chọn quá lại vớ phải của xấu) — L'homme propose, Dieu dispose (mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên) — Un malheur n'arrive jamais seul (họa vô đơn chí) — L'honnête homme n'a qu'une parole (quân tử nhất ngôn) — Les murs ont des oreilles (vách có tai) — Il n'y a que le premier pas qui coûte (chỉ bước đầu là khó)	Cường-quyền thắng công-lý. Có có thì chợ cũng đông, có đi lấy chồng thì chợ cũng vui. Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén Bé ăn trộm gà, già ăn trộm trâu. Một con sâu làm rầu nồi canh. Bụng mình có thói gian tà, mà mình lại nghĩ người ta như mình. Cá lớn nuốt cá bé. Yêu cho vọt ghét cho chơi. Cải sẵn này cái ung. Sai một ly, đi một dặm. Vắng chùa nhà gà vọc niêu tôm. Gia kén kén hom. Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên. Họa vô đơn chí. Quân tử nhất ngôn. Rừng có mạch, vách có tai. Vạn sự khởi đầu nan.	— Argent fait tout (có tiền thì muốn gì cũng được) — Bien bas choit qui trop haut monte (càng lên cao càng xuống thấp) — Bonté pasve beauté (lòng tử tế còn hơn sắc đẹp) — A bon chat bon rat (mèo hay lại có chuột tinh) — Autant de têtes, au tant d'avis (càng nhiều người thì lại càng nhiều ý kiến khác nhau) — Le père a mangé des raisins verts et c'est le fils qui a les dents agacées (Cha ngày trước ăn nho xanh nên bây giờ con nướn ghe răng) — L'oisiveté est la mère de tous les vices (an rưng ngồi rồi, sinh ra đủ các tật xấu) — On ne fait rien de rien (không có gì thì làm gì nên) — L'eau va toujours à la rivière (nước chảy ra sông) — Un bienfait n'est jamais perdu (làm ơn không bao giờ thiệt) — Les paroles volent (Lời nói bay đi không còn bằng cơ) — Autres temps, autres mœurs (mỗi thời, một tục) — La prudence est la mère de la sûreté (cần thận thì bao giờ cũng chắc chắn, không phải lo ngại gì nữa) — Aux grands maux, les grands remèdes (bệnh nặng phải dùng thuốc mạnh) — Après la pluie le beau temps (tạnh mưa, thì trời lại nắng ráo) — Expérience passe science (lịch duyệt lại hơn học thức) — Vivre d'abord, philosopher ensuite (cần sống đã, triết lý hay, để lại sau)	Có tiền mua tiền cũng được. Trèo cao ngã đau. Cái nết đánh chết cái đẹp Vỏ quýt dày mong tay nhọn Vách nhà bạch khẩu. Đời cha ăn mặn đời con khát nước. Nhân cư vi bất thiện. Có bột mới gột nên hồ. Nước chảy chỗ trũng Ở có nhân, mười phần không thiệt. Khẩu thuyết vô bằng cơ Thời đại nào Ky cương ấy. Cần tắc vô ưu. Bệnh quý thuốc tiên Qua cơn bĩ cực đến tuần thái lai. Trăm hay không bằng tay quen Có thực mới vực được đạo. (còn nữa) VỮ BỘI LIÊU
---	---	---	---

ÂY THẬT RA DÃ NHIỀU LẦN GẶP NHAU

— La force prime le droit
(Cường-quyền thắng công-
lý)

— Faute d'un moine, l'ab-
baye ne chôme pas (l'niều
một thầy tu, nhà tu chẳng
đóng cửa nào)

— L'homme est feu, la fem-
me est étoupe, le diable
vient qui souffle (Đàn ông
là lửa, đàn bà là rơm, quỷ
đến thổi lửa cháy bùng lên)

— Qui vole un œuf, volera
un boeuf (Bé ăn cắp trứng,
nhờn ăn trộm bò)

— Il suffit d'une brebis
galeuse pour gâter tout le
troupeau (một con chiên
ghẻ đủ làm hỏng cả đàn)

Il semble à un larron
que tout le monde lui res-
semble (Đứa ăn trộm tưởng
ai cũng có thói gian tà như
mình)

— Les gros poissons man-
gent les petits (Cá lớn ăn
cá bé)

— Qui aime bien, châtie
bien (Yêu lắm mới quở
phạt nhiều)

— Petites causes, grands
effets (việc nhỏ, mà kết quả
hóa ra can hệ)

— Le chat parti, les souris
dansent (Mèo đi khỏi, là
chuột nhảy cẫng)

— Qui trop choisit prend
la pire (Kén chọn quá lại
vớ phải của xấu)

— L'homme propose, Dieu
dispose (mưu sự tại nhân
thành sự tại thiên)

— Un malheur n'arrive ja-
mais seul (họa vô đơn chí)

— l'Honnête homme n'a
qu'une parole (quân tử
nhất ngôn)

— Les murs ont des oreil-
les (vách có tai)

— Il n'y a que le premier
pas qui coûte (chỉ bước
đầu là khó)

Cường-quyền
thắng công-lý.

Có cỏ thì chợ cũng
đồng, có đi lấy chồng
thì chợ cũng vui.

Lửa gần rơm
lâu ngày cũng bén

Bé ăn trộm gà,
già ăn trộm trâu.

Một con sâu
làm rầu nồi canh.

Bụng mình có thói
gian tà, mà mình
lại nghĩ người
ta phư mình.

Cá lớn nuốt cá bé.

Yêu cho vọt
ghét cho chơi.

Cái sây nầy cái ung.
Sai một ly,
đi một dặm.

Vắng chúa nhà
gà vọc niêu tôm.

Giã kén kén hom.

Mưu sự tại nhân,
thành sự tại thiên.

Họa vô đơn chí.

Quân tử nhất ngôn.

Rừng có mạch,
vách có tai.

Vạn sự
khởi đầu nan.

— Argent fait tout (có tiền
thì muốn gì cũng được)

— Bien bas choit qui trop
haut monte (càng lên cao
càng xuống thấp)

— Bonté passe beauté (lòng
tử tế còn hơn sắc đẹp)

— A bon chat bon rat (mèo
hay lại có chuột tinh)

— Autant de têtes, autant
d'avis (càng nhiều người
thì lại càng nhiều ý kiến
khác nhau)

— Le père a mangé des rai-
sins verts et c'est le fils qui
a les dents agacées (Cha
ngày trước ăn nho xanh
nên bây giờ con mới ghê
răng)

— L'oisiveté est la mère
de tous les vices (ăn rưng
ngồi rồi, sinh ra đủ các nét
xấu)

— On ne fait rien de rien
(không có gì thì làm gì nên)

— L'eau va toujours à la
rivière (nước chảy ra sông)

— Un bienfait n'est jamais
perdu (làm ơn không bao
giờ thiệt)

— Les paroles volent (Lời
nói bay đi không còn bằng
cớ)

— Autres temps, autres
mœurs (mỗi thời, một tục)

— La prudence est la mère
de la sûreté (cẩn thận thì
bao giờ cũng chắc chắn,
không phải lo ngại gì nữa)

— Aux grands maux, les
grands remèdes (bệnh nặng
phải dùng thuốc mạnh)

— Après la pluie le beau
temps (tạnh mưa, thì trời
lại nắng ráo)

— Expérience passe science
(lịch duyệt lại hơn học-
thức)

— Vivre d'abord, philoso-
phie ensuite (cần sống đã,
triết lý hãy để lại sau)

Có tiền mua
tiền cũng được.

Trèo cao ngã đau.

Cái nết
đánh chết cái đẹp
Vỏ quýt dày
móng tay nhọn

Lách nhân
bách khẩu.

Đời cha an mãn
đời con khát nước.

Nhân cư
vi bất th ện.

Có bột mới
gột nên hồ.
Nước chảy
chỗ trũng.

Ở có nhân, mười
phần không thiệt.

Khẩu thuyết vô bằng
cớ

Thời đại nào
Kỷ cương ấy.

Cẩn tắc vô ưu.

Bệnh quỷ thuốc tiên

Qua cơn bĩ cực
đến tuần thái lai.

Trăm hay không
bằng tay quen

Có thực mới
vực được đạo.

(còn nữa)
VỮ BỘI LIÊU

MỘT QUAN-NIỆM

KỊCH TRUNG-VU'ÔNG

ĐINH GIA TRINH

Mới vừa đây, một ban kịch thanh niên giúp « Trại hè » đã diễn ở Hà-Đông một vở tên là Trung vương. Đó là truyện hai Bà mà quốc dân ta ai cũng đều biết, nhất là từ khi ngày hội Jeanne d'Arc lại cũng là ngày kỷ niệm Trung Vương. Vở kịch thơ Trung Vương đã diễn ở Hà-Đông mà tác giả là ông Phạm Tháo, có sáu cảnh: cảnh thứ nhất: Tô Định tác oai giữa một đám ninh thần người Nam, bọn « tri thức mục nát và hèn nhát », và đặc chỉ vì những tàn bạo của hắn. Thứ hai: Thi Sách mưu phản bị bắt dẫn đến. Thi Sách quyết cường không sợ chết, không chịu khuất phục nên phải dẫn ra pháp trường xử tử. Cảnh thứ ba: Thi Sách bị trói đợi giờ hành hình, than vãn nhớ vợ là Trưng Trắc, rồi bỗng tự trách mình ủy mị, hèn yếu, trở lại hiên ngang anh hùng dưới lưỡi dao dao phủ. Cảnh thứ tư: Trưng Trắc đêm khuya đọc binh thư. Trưng Nhị vào Hai chị em trò chuyện. Trưng Trắc lo sợ vì một giấc ác mộng đêm qua, e có điềm chẳng lành. Lúc ấy có tên người nhà về báo Thi Sách đã bị giết. Trưng Trắc ngất đi. Cảnh thứ năm: Trưng Trắc và Trưng Nhị sung sướng nghe một viên tướng kể lại cuộc thắng trận cuối cùng. Cảnh thứ sáu: Hai bà lên ngôi vua ở Mê Linh.

Khán giả đã vỗ tay nhiều, và cảm phục hai vị nữ kiệt đã giả được « thù chồng và nợ nước ».

Xem kịch « Trưng Vương », nghe những lời than vãn của Thi Sách, nỗi đau thương và quyết định của bà Trưng, tôi bỗng nghĩ đến một quan niệm về tâm lý của vị nữ kiệt ấy trong một vở kịch. Kịch là một loại văn, hơn nữa là một loại mỹ thuật. Kịch lịch sử vì vậy không bắt buộc phải trọng chân lý lịch sử đến cận kề. (Nếu có người nào học sử qua các lịch sử tiểu thuyết và kịch lịch sử thì ngại ấy quả là chất phác,

Tự do hơn nhà bác học, nhà khoa học, nghệ sĩ có thể, trong một vở kịch lịch sử, tạo những tam lý của nhân vật theo một quan niệm nghệ thuật của mình, tuy vẫn trọng những chỉ dẫn đại cương của sử.

Vậy ta có thể quan niệm tâm lý của bà Trưng như thế nào? Sự so sánh hai bà Trưng với Jeanne d'Arc của nước Pháp đã là một đề thông thường mà ở các hội hè, ở các áng văn, người ta đã nói rất nhiều. Nhưng ta phải nhận rằng hai cử chỉ của hai vị nữ

kiều quốc anh hùng Đông và Tây không hẳn là giống nhau. Lòng ái quốc vẫn là một thật, và Trưng Trắc và Jeanne d'Arc đều thắng được quân thù, rồi lại cùng phải chết với bại trận cuối cùng. Nhưng cô gái ở Domrémy khởi binh đánh quân Anh, chỉ là để giải phóng nước Pháp, mà Trưng Trắc khởi nghĩa cùng em là Trưng Nhị là vừa để cứu nước, vừa để báo thù chồng. Hùng về phương diện luân lý, có lẽ báo hành động của Trưng Trắc không phải hoàn toàn gây bởi lòng yêu nước. Nếu Thi Sách không bị Tô Định giết mà được Tô Định hậu đãi thì bà Trưng có dấy binh không? Khi ta giết một tên tướng cướp lợi hại trong vùng, vì một mối thù riêng, mà nhân đó nhân dân được sống yên ổn, thì cử chỉ của ta có thể sánh được với cử chỉ của một hiệp sĩ giúp dân trừ bạo không vì một cơ lợi riêng gì cả không?

Xét cho kỹ thì luận lý ấy có phần quá nghiêm khắc. Ta nên hiểu trong luân lý cũ, báo thù chồng là một phận sự thiêng liêng, cũng gần cao quý bằng giả nợ nước. Khi các nhà văn thơ cổ đem ghép luôn luôn hai cái cơ hành động của bà Trưng (thù chồng, nợ nước), ấy là có ý khen bà đã làm trọn được hai phận sự tối cao, một phận sự thiêng liêng của đàn bà, một phận sự thiêng liêng của cả nam nhi và nữ nhi. Trong quan niệm ấy đức của bà lại tăng lên gấp bội vậy.

Tuy thế, cái hành động cứu nước của bà Trưng, muốn cho có giá trị cần phải có một duyên cớ độc lập, không liên lạc với cái duyên cớ đã dục bà báo thù chồng. Bà cần phải rắp định khởi nghĩa cứu dân, căm hờn quân cường bạo từ lâu. Rồi lúc Thi Sách bị giết, bà quyết định hành động để cứu đồng bào và để rửa hận gia đình.

Cho nên, theo ý của tôi, nhà kịch sĩ chớ nên gây một cảm giác lầm lạc cho khán giả rằng cơ báo thù chồng là cơ mạnh nhất và trỗi dậy các cơ khác đã khiến Trưng Trắc quyết định. Như thế là vô ý làm cho danh diện một vị nữ anh hùng bậc nhất của nước nhà phải thương tổn.

Trong vở kịch của ông Phạm Tháo, tôi thấy bà Trưng đọc binh thư trong đêm khuya, rồi được tin chồng bị giết, bà ngất đi, bà rên rỉ, bà bộc lộ nỗi đau thương và căm hờn kẻ giặc. Rồi bà về và thề nguyện trước ban thờ chồng... Người ta có thể nói: « Ấy chỉ là chuyện một người đàn bà báo thù chồng » và người ngoại quốc tự hỏi: « Chuyện cứu nước hay chuyện báo thù riêng? »

(Xem tiếp trang 28)

PHỔ-THÔNG CHUYÊN-SAN

KÈ TỪ 1^{re} JUILLET, PHỔ-THÔNG BÁN-NGUYỆT-SAN RA THÊM MỘT LOẠI MỚI, MỖI THÁNG MỘT CHUYÊN SAN VĂN HỌC, SỬ HỌC, HAY TRIẾT HỌC. MỤC ĐÍCH LÀ GÂY DỰNG MỘT KHO TÀI LIỆU THIẾT YẾU CHO TỦ SÁCH NGƯỜI HỌC THỨC.

Những chuyên-san phổ-thông văn học

Đem những văn nghiệp cũ ra chú giải, phiên dịch, phê bình, biên tập tiêu truyện của tác giả, nếu có thể lại soạn cả niên phổ của tác giả. Ngoài những văn nghiệp của nước nhà lại mở rộng đến cả văn nghiệp Tàu nữa. Những văn nghiệp của ta như Nguyễn Trãi, Lê Thánh-tôn, Trạng Trình, Lê quý Đôn, Chiêu Hồ, Lý văn Phức, Đoàn thị Diễm, Thanh Quan v. v. và ở Tàu như: Khuất Nguyên, Tống Ngọc, Tào Thục, Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hàn xương Lê, Tô đông Pha, Lương khải Siêu, Hồ Thích v. v.

Nghiên cứu khảo luận về các vấn-đề văn học, phê bình những sách đáng chú ý của người đương thời.

Những chuyên-san phổ-thông sử học

Dịch những bộ sử của ta cùng những sách phụ thuộc vào sử. Đại khái như: Đại Việt sử ký, Việt sử cương mục, Lịch triều hiến chương, Lê triều dã sử, Lê quý kỷ sử, Cổ Lê tiết nghĩa lục, Đại Nam liệt truyện, Hoàng Lê ngọc phổ, Trịnh gia thế phả, Gia định thông chí, Thoại thực ký văn, Bắc hành lược ký, Phủ biên lục, Kiến văn tiểu lục v. v.

Viết những lịch-sử ký-sự, danh-nhân truyện ký, hoặc soạn những tập sử từng triều đại một, để dần dần đi đến bộ sử đại toàn. Cũng có thể

đăng những thiên du ký, trong đó kể việc qua thăm các danh thắng cổ tích cốt giúp ích cho sử học.

Những chuyên-san phổ-thông triết học

Nghiên cứu, giới thiệu, phê bình các ngành triết học cả đông và tây, thảo cứu về nguồn gốc và lịch sử của các tôn giáo trong thế giới.

Chương trình biên tập, trên đây sẽ có thể thay đổi thêm bớt cho tới khi hoàn toàn. Chúng tôi rất mong

các bậc tri thừa cao minh trong nước chỉ giáo cho.

Chương trình làm việc dự định là như thế, nhưng phạm vi nguyệt san của chúng tôi có hạn, mà tài lực của chúng tôi cũng có hạn. Cho nên mỗi tháng chúng tôi chỉ có thể đem hiến bạn đọc yêu qui một tập chuyên san mà thôi.

Số trang không nhất định mà giá báo cũng không nhất định.

Các ngài có thể tin cậy ở sự cố gắng của chúng tôi, về phương diện biên tập, ấn loát, cũng như việc định giá. Chúng tôi chỉ ước sẽ làm vừa lòng các Ngài về giá trị chuyên san cũng như về giá bán phải chăng vậy.

P. T. C. S.

Xin chú ý. — P. T. B. N. S. lớp cũ (tiền thuyết) vẫn ra, nhưng mỗi tháng chỉ in một tập, đẹp hơn trước, tiền thuyết chọn lọc rất kỹ, toàn là những tác phẩm hay, có giá trị chắc chắn.

NHỮNG CHUYÊN-SAN DỰ ƯỚC XUẤT BẢN TRONG NĂM 1943

Juillet :	LỤC VĂN TIỀN DẪN GIẢI của ĐINH XUÂN HỘI 200 trang, giá.	1\$50
Août :	TRẦN THỦ BỘ Danh nhân truyện ký của TRÚC KHÊ, giá.	0\$80
Sept. :	TRƯƠNG VINH KÝ Khảo cứu của LÊ THANH, giá.	0\$80
Octo. :	KHÔNG GIÁO LẤY GÌ LÀM CỐT TỬ ? Khảo cứu của MAI ĐĂNG-ĐỆ	
Nov. :	QUỐC SỬ DIỄN CA DẪN GIẢI của NGUYỄN ĐỖ MỤC	
Déce. :	BA LOẠI VĂN Khảo cứu của VŨ NGỌC PHAN	

NÓI THÊM VỀ LUẬT THUÊ NHÀ

ĐỖ XUÂN SÁNG

TRONG một số báo trước, chúng tôi đã nói đến sắc lệnh 15-4-1943 bãi bỏ quyền chủ nhà lấy lại nhà để ở, hay làm lại. Bây giờ sắc lệnh 31-5-1943, do nghị định Toàn quyền ngày 17-6-1943 ban bố bãi bỏ nốt quyền chủ nhà lấy lại nhà để ở. Vậy từ nay chủ nhà không thể đuổi người thuê nữa.

Nhưng nên nói thêm rằng: nếu người thuê không trả tiền, hay làm hỏng hoại nhà, hay tự tiện cho thuê lại (không xin phép chủ nhà, thì người này vẫn có quyền kiện lấy lại nhà.

Sắc lệnh 31-5-1943 nói thêm rằng người thuê nếu bắt chủ nhà hay người thuê mới trả tiền «hoa hồng» cho mình để mình dọn đi hoặc bắt các người ấy mua lại đồ đạc bằng một giá qua đáng sẽ có thể bị phạt tù từ 2 tháng đến 2 năm và tiền từ 200 đến 200.000 quan. Chủ nhà và người thuê mới có quyền đòi lại các số tiền mà mình đã bị người thuê cũ hạch sách.

Muốn tránh các điều phiền ấy, sắc lệnh định thêm rằng từ bây giờ thuê hay cho thuê lại phải xin phép Đốc-Lý trước. Nếu không có thể bị phạt từ 16 đến 500 quan. Tái phạm sẽ phải chịu tiền phạt nặng nhất tức là 500 quan.

HỢP THƯ

Một bạn đọc T. N. ở Ngân sơn gửi ngân phiếu 5đ60 để mua T. N. in lại, quên không đề tên và địa chỉ. Vậy xin viết thư cho tòa báo.

T. N.

CẢI CHÍNH

Trong bài «*Tư tưởng Oscar Wilde*» và bài «*Một quan niệm về nghệ thuật*» số Thanh Nghị ngày 16 Juin, có mấy chỗ xếp lộn, chắc các bạn đã đính chính hộ. Xin cải chính một chỗ cho rõ nghĩa:

Trang 23, cột 1, dòng 31: «*Corneille trong Horace và Racine nữa*», xin đọc là: «*Corneille trong Horace và Racine trong Pénélope nữa*».

Tòa báo Khoa-học

đã dọn lại 214 Hàng Bông Hanoi

Song đây là riêng về hạng nhà để ở hay thuê để làm nghề nghiệp của mình. Nhà để buôn bán hay để làm công nghệ thuộc vào phạm vi sắc lệnh mới cũng như các sắc lệnh 13-5-1942 và 15-4-1943. Xin nhắc rằng hạng nhà ấy vẫn theo luật thường (droit commun), chỉ trừ một trường hợp, nếu giá nhà quá 100\$ 1 tháng và người thuê đã ở lâu năm thì trước khi hết hạn hợp đồng hay khi lấy lại nhà, chủ nhà phải báo trước điều kiện cho thuê mới để xem người thuê có bằng lòng không; vì nếu bằng lòng, sẽ được quyền ưu tiên (droit de préférence). Xem sắc lệnh 28-7-1942 Thanh nghị đã nói đến trong một số báo năm ngoái.

ĐỖ XUÂN SÁNG

MỘT QUẢN NIỆM

KỊCH TRUNG-VƯƠNG

(Tiếp theo trang 26)

Vậy kịch sĩ nên tả nhiều hơn cái tâm trạng của bà Trưng trước khi Thi Sách bị giết. Có thể để bà giữ chỉ khi của bà, lòng thương đồng loại và cảm gợn Tổ Định tàn ác trong những cảnh nói một mình (monologues) hoặc nói chuyện với Thi Sách, với Trưng Nhị. Như thế trước khi Thi Sách bị giết, người ta đã nhận thấy cái sôi nổi ái quốc của nhân vật chính và sự rập rập hành động của y. Rồi sẩy Thi Sách chết, kịch sĩ có thể để Trưng Trắc đau đớn, khóc than (vì bà là một người, có những tình của người), nhưng ở những lời quyết định cuối cùng, kịch sĩ đừng quên đề nhắc lại cái chỉ khi và những quyết định về sự giải phóng quốc gia. Chớ cho khán giả hoặc độc giả cảm thấy rằng trong lời tự khích của Trưng Trắc, mấy chữ «*nợ nước*» chỉ là nói bóng gió, để giữ một địa vị phụ thuộc.

Với tài khéo của kịch sĩ, ta sẽ thấy hình ảnh một bà Trưng sáng rọi, đã làm tron hai bốn phận tối thiêng trong luân lý Đông Phương.

ĐÌNH GIA TRINH

VIỆC QUỐC TẾ:

Vẫn chưa có sự thay đổi quan-trọng tại mặt trận Âu Châu. Anh Mỹ sửa soạn cẩn thận cuộc đổ bộ vào lục địa. Quân cảng Gibraltar hoạt động tấp nập vô cùng. Rất nhiều chiến hạm tới tập trung ở đó rồi đi về phía Đông. Trong khi đó vẫn có những trận hải-không-chiến trên Địa trung hải. Đồng minh chiếm dần mấy đảo Pante'leria, Lampedusa, Linosa, Lampione ở phía Nam Sicile. Tàu ngầm Trục cố phá hại các chiến hạm bên địch để ngăn trở cuộc sửa soạn đổ bộ. Cuộc đổ bộ này có thể xảy ra ở nhiều nơi. Tại bờ biển phía bắc Na Uy quân Đức bỏ đảo Lofeden « để tiện việc ngăn ngừa sự xâm lăng vào đất Nã Uy » (?) Tại Hy Lạp quân Đức tập trung rất nhiều ở hải cảng Salonique. Cũng khi đó quân Ý lại bỏ đảo Castello Rizo ở bờ bễ phía Nam Thổ nhĩ kỳ. Người ta nghi quân Anh Mỹ định chiếm quần đảo Dodécánèse trong bể Egée để đánh vào Ba nhĩ Cán. Vì vậy mà quân Đồng Minh tới tập trung rất nhiều tại Syrie, sau khi đóng biên thủy Thổ Syrie. Thành ra Thổ nhĩ kỳ hiện đang ở một tình thế khó xử. Dù sao chưa chắc Thổ đã dám ngả hẳn về một bên nào.

Tại Nga vẫn chỉ có những cuộc tấn công bằng không quân của hai bên. Ta chưa thấy có những chiến công ghê gớm của Đức như ở mùa hè mọi năm. Hình như mùa hè năm nay Đức không tấn công sâu vào đất Nga nữa chỉ lo giữ thế thủ ở những nơi chiếm được còn bao nhiêu lực lượng đều giữ để chống lại cuộc đổ bộ của Anh Mỹ. Thống chế Rommel chỉ huy cuộc chống chọi đó. Về phía Hồng Quân cũng chưa có những trận hoạt động quả quyết; có nhẽ họ chờ để hành động cùng nhịp với cuộc đổ bộ kia, vì nghe tin có nhiều sĩ quan ở bộ tham mưu Nga tới Gibraltar và sang Bắc Phi.

Nhưng một việc quan trọng xảy ra ở Mỹ có thể có ảnh hưởng rất lớn tới cuộc hành quân của Đồng Minh. Hàng nửa triệu thợ thuyền các mỏ Hoa kỳ đình công. Tổng thống Roosevelt phải điều đình với John Levis, lãnh tụ thợ mỏ trong Liên đoàn Lao động Mỹ. Giữa khi đó lại xảy ra xung đột giữa dân da đen và dân da trắng tại vùng Détroit ở Đông Bắc Hoa kỳ. Chính phủ Mỹ phải linh đến và đã dẹp được cuộc loạn đả.

Ở Ấn-Độ cuộc vận động độc lập đã tới thời kỳ gặt gao.

Trong mấy bài diễn văn mới đây của các nhà chính khách và quân sự Nhật (thủ-tướng Đông điều, ngoại tướng Shigemitsu,...) đều thấy nói Nhật mưu giúp các nước ở Á Đông như Phi-luật-tân, Diên-diên, Ấn-độ để lập nền tự trị và nhất là cổ trọng «chữ quyền nước Pháp tại Đông Dương». Hải quân Đô đốc Decoux rất lấy làm hài lòng về bài diễn văn của thủ tướng Nhật bản.

Viết ngày 28-6-43

Đ. Đ. Đ.

SÁCH MỚI

Chúng tôi nhận được:

1-) Túc chi Hoài, của Nguyễn Tuân, phụ bản của Nguyễn gia Trí « Lượm-lúa-vàng » xuất bản.

2-) Óc Khoa-học, của Phạm ngọc Khuê « Hàn-thuyền » xuất bản. Giá 2\$20.

3-) Légende des Terres Sereines của Phạm duy Khiêm.

4-) Thái bình dương đại chiến của Tei-Shun Sho, loại sách Tân-Á.

5-) Sóng gió đồng châu tái bản của Thái vi Lang « Đời-mới » xuất bản. giá : 2\$00

6-) Thanh đàm, truyện dài của Nguyễn công Hoàn « Đời-mới » xuất bản. Giá 4\$50.

7-) Trẻ con hát trẻ con chơi của Nguyễn văn Vĩnh « Thư xã Alexandre de Rhodes » xuất bản.

8-) Đời sống thái cổ (trong bộ lịch sử thế giới) của Nguyễn đức Quỳnh, « Hàn-thuyền » xuất bản. Giá 2\$20.

7-) Một nền giáo dục Việt Nam mới (tái lần thứ tư) của Thái Phi — Đời Mới xuất bản.

8-) Truyện học sinh: Quỳ dạ xoa Phạm Nhan Từ báo hàng ngày — Đời Mới xuất bản.

9-) Courbet, trong bộ Grandes vies, grandes œuvres — Thư xã Alexandre de Rhodes xuất bản. — Tác giả: Capitaine de vaisseau Iouan.

10-) Văn liệu từ điển. của Long Điền Nguyễn văn Minh. — Quảng Văn Thành xuất bản — giá 5\$00. Quyền Từ-diễn này thu thập những thành ngữ hầu hết thuộc về phạm vi thi phú, văn chương được định nghĩa rõ ràng, với những câu thí dụ thường trích ở các thi văn cổ kim và những điển tích dẫn giải phân minh. Đó là một quyển sách soạn có công phu và sẽ giúp được nhiều việc cho các nhà văn cũng tất cả những người học Nam Ngữ.

Xin cảm ơn những nhà gửi tặng và vui lòng giới thiệu với các bạn đọc Thanh-nghi.

BẢ CUỐN TIỂU THUYẾT PHÁP...

(Tiếp theo trang 12)

giấy, cái bút chì, tuy xe sột hết sức mà cũng soạn được bài văn đề cho tâm hồn thanh thoi vui thích mãn nguyện; bài văn nhỏ ấy tôi lại tìm thấy và cũng chẳng phải sửa mấy lỗi...

« Từ dưới mặt cánh đồng nhỏ lên, như lạc vào giữa quang vắng, độc có mấy gác chuông ở Martinville vút lên trời. Rồi chúng tôi nhìn thấy ba; gác chuông ở Vieuxvicy đi chậm, quay mình rất mạnh đến đứng trước mặt hai cái trước. Thì giờ qua, chúng tôi đi càng nhanh mà ba gác chuông vẫn ở đằng xa trước mặt như ba con chim đậu trên cánh đồng, yên lặng dưới ánh nắng. Rồi gác chuông ở Vieuxvicy đi đường, lùi xa, hai gác chuông ở Martinville còn lại. Một mình, ánh nắng tà chiếu vào, tuy xa, mà tưởng như đương nổi gần, mím cười. Vì mất nhiều thì giờ mới đến gần chúng được, nên tôi đang còn miên man nghĩ đến quãng thời gian phải chờ đợi mới tới nơi thì, vụt chốc, xe vòng con đường quặt để chúng tôi đứng dưới chân chúng; chúng nhảy số lại, trước mặt chiếc xe mạnh đến nỗi chỉ còn kịp thì giờ dừng lại cho khỏi chạm vào cửa nhà thờ. Chúng tôi lại lên đường đã đi khỏi Martinville một chốc, cả làng còn đi tiễn vài giây rồi mấy biển hắt mà ba gác chuông còn đứng trơ ở chân gò nhìn chúng tôi chạy, vài ngọn cây ánh nắng như đề từ đã. Thỉnh thoảng một cái đứng sang bên để hai cái kia nhìn rõ chúng tôi một lát nữa; nhưng con đường đổi hướng, chúng quanh mình trong ánh sáng như ba trục bằng vàng rồi biến mất. Một lúc sau, gần về đến Combray mặt gò đã lặn, tôi còn nhìn thấy chúng ở xa một lần cuối cùng chỉ còn là ba đóa hoa vẽ trên gò, ngang đường thấp của cánh đồng, chúng làm cho tôi nghĩ đến ba cô con gái ở một chuyện truyền kỳ bị bỏ nơi hoang vắng mà gò sắp tới rồi; trong khi chúng tôi phi nước đại càng ngày càng xa thì tôi thấy ba ả rụt rè tìm đường, bóng dáng dài các sứt xit lạ với nhau, người nọ lần sau lưng người kia. Trên da trời hồng hồng chỉ còn một hình đen, đang yếu mà dịu dàng dần dần biến lặn vào đêm. « Tôi chẳng bao giờ nghĩ đến trang giấy đó nữa nhưng lúc đó, trong góc ghế chỗ tên đánh xe thường để chiếc rổ đựng gà mua ở chợ về, tôi vừa viết xong thì thấy mình sung sướng lạ lùng, trang giấy đã chùi sạch được cho tôi cả ba cái gác chuông với những vật chúng giấu sau lưng, tưởng chừng như tôi cũng là một con gà mái vừa mới đẻ cái trứng, bất giác bỗng hát vang lên ».

(Còn nữa)

Chiếc bánh ngọt

và chén nước trà

Người ta có thể nói rằng cả bộ sách của Marcel Proust viết ra chỉ có một mục-dịch: làm sống lại những kỷ niệm buổi thiếu thời. Khác hẳn với các nhà viết sử hay các người viết ký ức chỉ chăm chăm đề ý những việc xảy ra, tác giả « Về phía nhà ông Swann » cốt ghi lại có những chuyện có định-dáng đến tình cảm mà thôi.

Tiên sinh chia trí nhớ của người ta ra làm hai thứ: trí nhớ do mình cố gọi và trí nhớ tự nhiên bật ra...

Trí nhớ do mình cố gọi là trí nhớ của phần trí, cốt để ứng dụng vào sự hoạt động hàng ngày. Vì độ nên nó hơi hột, tầm thường. Ta cần dùng một cái mũ, ta cố nhớ tên cửa hiệu quen quen để đến mua. Tên hiệu có hiệu ra trong óc cũng chỉ là một chữ không hình, không màu. Nhưng đối với ta thì chữ đó rất là được việc. Marcel Proust đã vì trí nhớ đó với sự thật như một bức họa của một nhà họa sĩ với một phong cảnh rực rỡ bên ngoài.

Trí nhớ tự nhiên bật ra thì khác hẳn. Nó không ích gì cho đời thực tế. Nhưng nó làm cho ta sống lại hẳn cả một quãng đời thuở trước với các màu sắc, hình bóng, thú vị riêng. Cả cái quá khứ của ta lúc nào cũng lần quất trong phần tâm tối của tâm hồn, phần vô ý thức. Chỉ một tiếng động, một mùi thơm, một ánh nắng có thể làm bật nó ra ngoài. Cũng như có những chiếc tàu ngầm liệ; máy, chìm dưới bóng tối đáy khơi. Người thợ máy đã thất vọng nhưng bỗng chốc tay hắn vô tình chạm vào một chiếc khay nhỏ, máy bỗng lại chạy đều và chiếc tàu nhẹ bỗng vùn vụt từ dưới thẳm nhô lên mặt nước.

Trong cuốn Về phía nhà ông Swann, có một đoạn văn tả vì sao mà một chiếc bánh ngọt với một chén nước trà đã làm cho tác giả sống lại cả một thuở bé. Đoạn văn đó nổi tiếng trong cả thế giới, xin trích dịch ra đây.

« Một ngày mùa đông, lúc giờ về nhà, mẹ tôi thấy tôi lạnh, bảo tôi uống một chén nước trà, tuy thường thường tôi chẳng ưa gì. Đầu tiên tôi từ chối rồi không hiểu sao tôi lại đổi ý. Mẹ tôi sai đi mua một chiếc bánh ngọt, hặng bánh vừa ngắn vừa phồng giống in như vừa mới đóng khuôn trong vỏ hến có khớp mã người ta gọi là bánh Petites Madeleines. Bụng thì rầu rần nghĩ đến ngày hôm nay trễ ngất mà ngày mai cũng chả vui gì, bất giác tôi đưa lên miệng một thìa nước trà, có



LOẠI SÁCH VĂN HÓA

MỜI CỐ BẢN:

DỜI SỐNG THÁI CỒ

Quyển II trong bộ

HÀN-THUYÊ
71, Tien-Tsin,
— HANOI —

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

ĐÃ XUẤT BẢN:

NHÂN LOẠI TIỀN HÓA SỬ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

Giá 1\$80

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI

của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Giá 1\$80

ỐC KHOA HỌC

của P. N. KHUÊ

Giá: 2\$20

Mua một cuốn gửi tiền về trước, thêm 0\$40 cước.

ĐÃ CỐ BẢN

Giá 2\$80

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

Lần đầu tiên một triết học vô cùng
sâu rộng được diễn ra quốc văn do
một tác giả *thông tiếng phạn* và đã
tốt nghiệp cao đẳng triết học PARIS:

ông PHAN VĂN HÙM

— NHÀ XUẤT BẢN —

Tân-việt

29, Rue Lamblot, HANOI

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$00 mua

VÉ SỔ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG

BÁO THANH-NGHỊ

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG
CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN
CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

Trong số 16 Juillet 1943

- Đạo sắc lệnh mới về Hội Nghị Liên Bang
- Tình-hình kỹ-nghệ Đông-Dương trong hai năm vừa qua
- Kỷ luật trong sự giáo dục: Thưởng và phạt
- Óc khoa học của một vài người,
- Xã hội Việt Nam từ thế kỷ thứ 17
- Cuộc tiến-hóa của nền tư-bản Âu tây
- Rudyard Kipling nhằm: Đông và Tây thật ra đã nhiều lần
gặp nhau.
- Thi, (truyện ngắn)
- Hai tấm vé số (tiếp theo)
- Á. Q. chính truyện.

TÂN PHONG
VŨ ĐÌNH HỒE
PHẠM LỢI
ĐÌNH GIA TRINH
NGUYỄN TRỌNG KHẮN
VŨ VĂN HIỀN
VŨ BỘI LIÊU
HƯỚNG MINH
NGUYỄN TUÂN
ĐỖNG THÁI MAI DỊCH

Xin chú ý. — Tòa báo T. N. đã dọn lại 214 phố hàng Bông Hanoi

Autorisé par arrêté du Gouverneur général du 1^{er} Mai 1939 N° 3089
Directeur gérant: VŨ ĐÌNH HỒE — Fondateur: Doãn Kế Thiện — Imp. TRUNG BẮC